



BCC

Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025





MỤC LỤC

Báo cáo thường niên 2025

01

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2025



01

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

01

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Thông tin chung

Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa

Thông tin liên lạc

- Trụ sở chính : K4/79C, Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, Phường Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Điện thoại : (0251) 3859 358
- Fax : (0251) 3859 917
- Email : congtybbcc@gmail.com
- Website : www.bbcc.com.vn



Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 3600275107 đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 03/11/2025 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp (cấp lần đầu ngày 30/06/2005)

Vốn điều lệ

469.216.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

469.216.000.000 đồng

Tên viết tắt

BBCC

Mã cổ phiếu

VLB

Logo Công ty



01 THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tt)

Quá trình hình thành và phát triển

1983

Ngày 03/12/1983, Xí nghiệp khai thác đất Biên Hòa được thành lập theo Quyết định số 18/QĐ.UB của Ủy ban Nhân dân (UBND) Thành phố Biên Hòa.

1988

Ngày 01/04/1988, Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa được thành lập trên cơ sở hợp nhất 3 xí nghiệp: Xí nghiệp khai thác đất Biên Hòa, Xí nghiệp khai thác đá Tân Thành và Xí nghiệp khai thác cát thành phố Biên Hòa theo Quyết định số 397/QĐ-UBTP ngày 10/3/1988 của UBND Thành phố Biên Hòa.

1991

Ngày 12/03/1991, sáp nhập Xí nghiệp quốc doanh gạch ngói vào Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 282/QĐ.UBTP của UBND Thành phố Biên Hòa.

1992

Ngày 19/12/1992, thành lập doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo quyết định số 2304/QĐ-UBT của UBND tỉnh Đồng Nai.

1996

Ngày 12/11/1996, Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa đổi tên thành Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 5425/QĐ.UBT của UBND tỉnh Đồng Nai. Ngày 26/12/1996, thành lập các Xí nghiệp trực thuộc Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 412/QĐ.UBTP của UBND Thành phố Biên Hòa.

1997

Ngày 13/09/1997, thành lập Xí nghiệp Công trình Giao thông và Xây dựng trực thuộc Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 505/QĐ.UBTP của UBND Thành phố Biên Hòa.

1998

Ngày 29/06/1998, thành lập Trung tâm Dịch vụ Xây dựng và Vật liệu Xây dựng Biên Hòa thuộc Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 242/QĐ.UBTP của UBND Thành phố Biên Hòa.

2003

Ngày 01/10/2003, sáp nhập Xí nghiệp Khai thác - Chế biến Tân Bản vào Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 3480/QĐ.CT.UBT ngày 26/09/2003 của UBND Tỉnh Đồng Nai.

2004

Ngày 01/10/2004, sáp nhập Xí nghiệp Khai thác đá Thiện Tân vào Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 3386/QĐ.CT.UBT ngày 27/07/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai.

2005

Ngày 05/05/2005, Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 1724/QĐ.CT.UBT của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai. Ngày 07/07/2005, UBND tỉnh Đồng Nai chuyển giao quyền sở hữu vốn Nhà nước của Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa cho Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai theo Quyết định số 2484/QĐ-UBND.

2006

Ngày 29/06/2006, sáp nhập Công ty TNHH MTV Khai thác đá Đồng Nai thành đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 138/QĐHĐQT của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai.

Tiếp theo

01 THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tt)

Quá trình hình thành và phát triển

→ 2015

Ngày 01/11/2015, Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa chuyển đổi mô hình thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa.

→ 2016

Ngày 19/02/2016, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) công nhận đủ điều kiện là công ty đại chúng.

Ngày 17/06/2016, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 59/2016/GCNCPVSD với số lượng đăng ký là 45.000.000 cổ phiếu.

Ngày 22/09/2016, Cổ phiếu Công ty được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Upcom) với mã chứng khoán là VLB.

→ 2018

Ngày 06/04/2018, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ 01 số 59/2016/GCNCPVSD-1 với số lượng chứng khoán bổ sung: 2.000.000 cổ phiếu, tổng số lượng chứng khoán đăng ký lên 47.000.000 cổ phiếu.

→ 2019

Ngày 29/01/2019, Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai đã chào bán thành công 8.647.000 cổ phiếu VLB (tương ứng 18,397% vốn điều lệ) thông qua phương thức giao dịch khớp lệnh trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giảm tỷ lệ nắm giữ xuồng còn 49% vốn điều lệ VLB.

→ 2023 - NAY

Ngày 26/06/2023, Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận thay đổi giảm số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch do hủy cổ phiếu quỹ để giảm vốn điều lệ. Tổng vốn điều lệ thay đổi từ 470.000.000.000 đồng xuống còn 469.216.000.000 đồng.

Các thành tích tiêu biểu

- Huân chương Lao động Hạng Ba năm 1988;
- Huân chương Lao động Hạng Nhì năm 1991;
- Huân chương Lao động Hạng Nhất năm 1996;
- Giải Bạc “Giải thưởng Chất lượng Việt Nam” năm 1997 và năm 1998 do Bộ Khoa học - Công nghệ - Môi trường trao tặng;
- Giải Vàng “Giải thưởng Chất lượng Việt Nam” năm 1999 do Bộ Khoa học - Công nghệ - Môi trường trao tặng;
- Danh hiệu Anh Hùng Lao Động do Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam phong tặng theo Quyết định số 287/KT/CTN, ngày 14/07/2000;
- Cờ thi đua của Chính Phủ trao tặng năm 2000, 2002, 2003, 2004;
- Huân chương Độc lập Hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng theo Quyết định số 165/QĐ/CTN, ngày 13/2/2012;
- Danh hiệu “Doanh nghiệp xuất sắc” Tỉnh Đồng Nai năm 2006, 2010, 2016, 2019;
- Cờ thi đua của UBND Tỉnh Đồng Nai trao tặng năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2020;
- UBND Tỉnh Đồng Nai tặng bằng khen điển hình tiên tiến đã có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước 05 năm giai đoạn 2015 - 2019 theo Quyết định số 3861/QĐ-UBND ngày 21/10/2020;
- UBND Tỉnh Đồng Nai tặng bằng khen cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2021, 2022, 2023.



02 NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

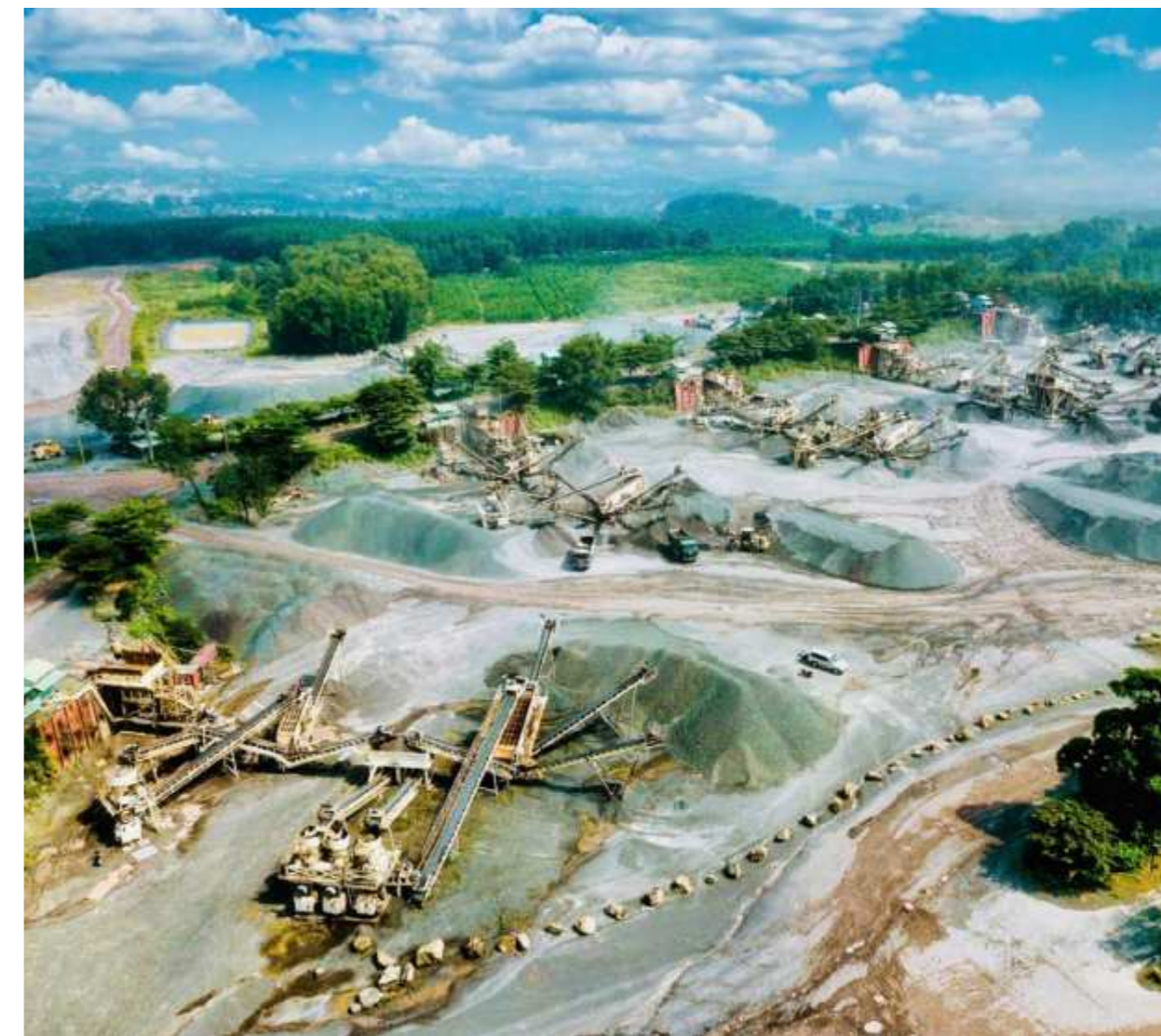
Danh mục ngành nghề

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (không hoạt động bên thủy nội địa tại trụ sở) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)
- Đại lý vật liệu xây dựng
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (không chứa vật liệu xây dựng tại trụ sở)
- Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh
- Kinh doanh bất động sản và dịch vụ cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện theo Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 ngày 28 tháng 11 năm 2023)
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác mỏ và đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
- Xây dựng nhà để ở
- Xây dựng nhà không để ở
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật)
- Bốc xếp hàng hóa (trừ hoạt động bên thủy nội địa) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)
- Cho thuê xe cơ giới, xe bồn nước (kèm người điều khiển) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật)
- Kinh doanh khu du lịch sinh thái (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không chứa vật liệu xây dựng tại trụ sở)
- Xây dựng công trình đường bộ
- Xây dựng công trình đường sắt
- Xây dựng công trình điện
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
- Xây dựng công trình công ích khác
- Xây dựng công trình thủy
- Xây dựng công trình khai khoáng
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo
- Phá dỡ
- Chuẩn bị mặt bằng
- Lắp đặt hệ thống điện (trừ xi mai, gia công cơ khí)
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ xi mai, gia công cơ khí)
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ xi mai, gia công cơ khí)
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật)

Địa bàn kinh doanh

Địa bàn kinh doanh: Sở hữu lợi thế từ nguồn nguyên liệu chất lượng cao với trữ lượng đá nguyên khối lên đến 84,4 triệu m³, được phân bổ theo từng mốc thời gian khác nhau, đảm bảo ổn định sản xuất cho Công ty trong thời gian tới. Hầu hết các mỏ đá mà BBCC đang khai thác đều nằm ở vị trí chiến lược, thuận tiện cho việc vận chuyển bằng cả đường bộ lẫn đường thủy. Nhờ lợi thế đó, BBCC đã và đang cung cấp ra thị trường một sản lượng đá lớn, ổn định. Mạng lưới đối tác và khách hàng của BBCC hiện đã phủ rộng khắp khu vực phía Nam. Trong đó, các thị trường tiêu thụ trọng điểm bao gồm Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Tây Ninh và các tỉnh Miền Tây Nam Bộ. Đặc biệt, BBCC tự hào là một trong những nhà cung cấp vật liệu đá xây dựng chủ lực cho một số công trình trọng điểm quốc gia, tiêu biểu như:

- Sân bay Long Thành;
- Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu;
- Đường Vành đai 3 - Thành phố Hồ Chí Minh.



02 NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH (tt)

Tổng hợp trữ lượng khai thác còn lại của mỏ

(Tính đến thời điểm 31/12/2025)

STT	Tên mỏ	Diện tích cấp phép mở moong khai thác	Thời hạn hoạt động theo Giấy phép khai thác (tính từ 01/01/2014)		Công suất hoạt động	Trữ lượng nguyên khối còn lại (đến ngày 31/12/2025)	Thời gian hoạt động còn lại (kể từ ngày 01/01/2026)
		m ²	Năm	Đến tháng, năm	m ³ /năm	m ³	Năm
1	Mỏ Thạnh Phú 1	837.000	28,7	31/7/2042	1.800.000	35.407.949	17,7
	GP số 1048/GP-UBND ngày 11/04/2016						
2	Mỏ Thiện Tân 2	650.000	24,5	30/6/2038	1.500.000	22.527.367	13,5
	GP số 1362/GP-UBND ngày 28/05/2015						
3	Mỏ Tân Cang 1	629.000	25	01/01/2039	1.500.000	22.571.743	14,0
	GP số 661/QĐ-UBND ngày 28/02/2018						
4	Mỏ Soklu 2	178.300	18,9	28/11/2031	400.000	2.303.277	6,8
	GP số 31/GP-UBND ngày 28/02/2025						
5	Mỏ Soklu 5	294.000	16	28/08/2029	500.000	1.613.878	4,5
	GP số 30/GP-UBND ngày 28/02/2025						
Cộng 5 mỏ						84.424.214	

BBCC đang sở hữu, quản lý 05 mỏ đá có trữ lượng lớn và chất lượng tốt tại tỉnh Đồng Nai, bao gồm: mỏ đá Thạnh Phú 1, mỏ đá Thiện Tân 2, mỏ đá Tân Cang 1, mỏ đá Soklu 2, mỏ đá Soklu 5. Chính nhờ ưu thế về chất lượng và năng lực cung ứng ổn định, các sản phẩm đá xây dựng của BBCC đã được tin dùng cho các dự án, công trình hạ tầng giao thông trọng điểm cấp quốc gia.



03 THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

BBCC là Công ty cổ phần tổ chức quản lý và hoạt động theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, bao gồm các cơ quan: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (ĐHĐCĐ)

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

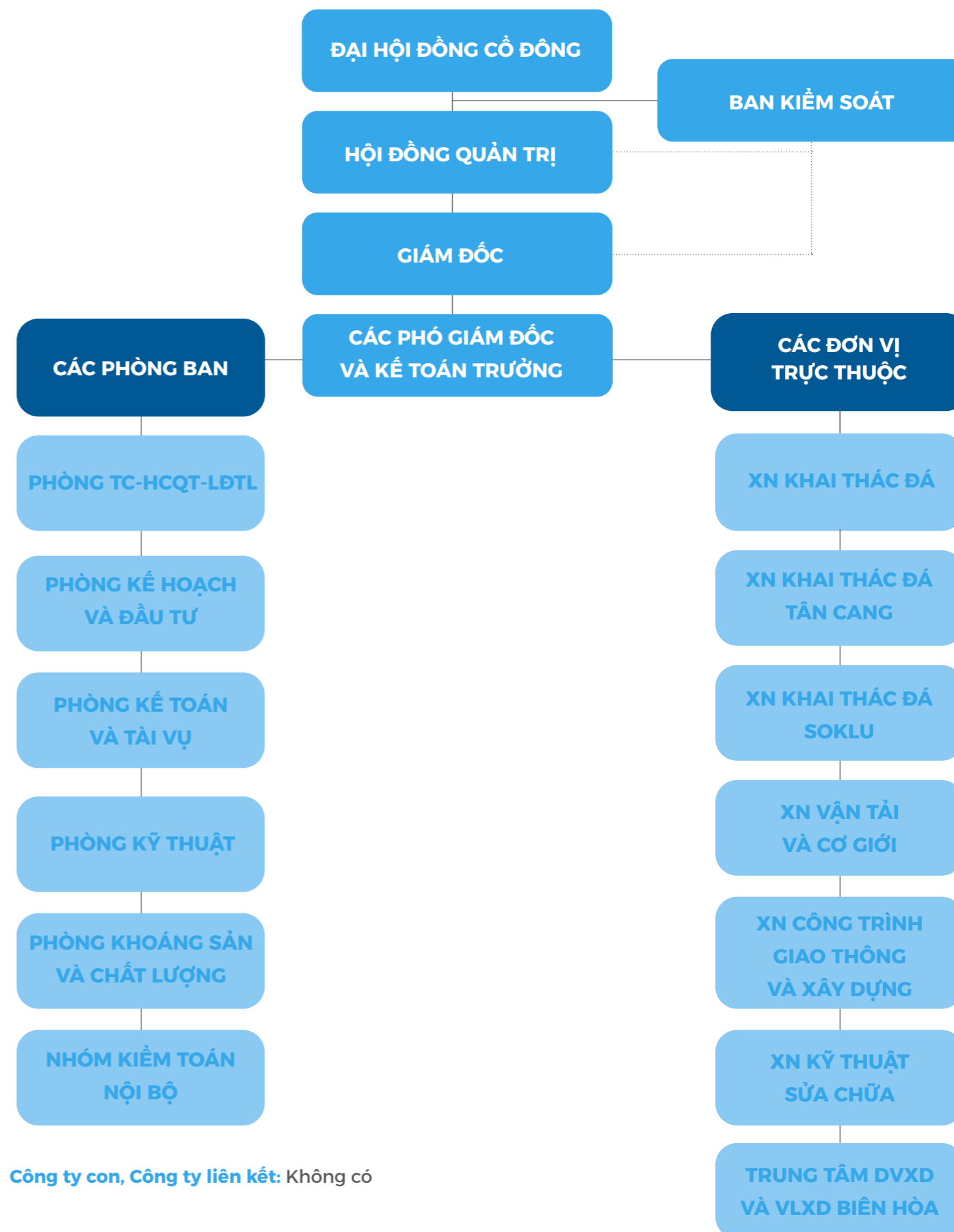
BAN KIỂM SOÁT (BKS)

Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

BAN GIÁM ĐỐC

Là cơ quan điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Sơ đồ tổ chức



Công ty con, Công ty liên kết: Không có

03 THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (tt)

Thông tin chi tiết một số đơn vị trực thuộc

Xí nghiệp khai thác Đá

- Là đơn vị hạch toán phụ thuộc, có chức năng, nhiệm vụ tổ chức các hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh sản phẩm đá, đất tại mỏ đá Thạnh Phú 1, mỏ đá Thiện Tân 2.
- Văn phòng giao dịch: Tổ 12, khu phố Ông Hường, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: 0251.360.0002
- Fax: 0251.396.6424
- Các mỏ đá:
 - » Mỏ đá Thạnh Phú 1 tại khu phố Ông Hường, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai.
 - » Mỏ đá Thiện Tân 2 tại khu phố 6-7, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai.
- Bến thủy nội địa:
 - » Bến thủy nội địa Thạnh Phú. Điện thoại: 0251.8615979
 - » Bến thủy nội địa Thiện Tân. Điện thoại: 0251.3865802
- Sản phẩm đá: Đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đá 5x7, đá 0x4, đá mi, ... Ngoài ra, Công ty còn nhận đơn đặt hàng sản xuất với quy cách tùy theo yêu cầu của khách hàng.
- Sản phẩm đất: Đất san lấp, đất gạch các loại, ...



Xí nghiệp khai thác đá Tân Cang

- Là đơn vị hạch toán phụ thuộc, có chức năng, nhiệm vụ tổ chức các hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh sản phẩm đá, đất tại mỏ đá Tân Cang 1.
- Văn phòng giao dịch: Tổ 1, đường Bùi Hữu Nghĩa, khu phố Tân Vạn 4, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 0251.3850251
- Fax: 0251.3850251
- Mỏ đá Tân Cang 1 tại khu phố Tân Cang, phường Phước Tân, tỉnh Đồng Nai.
- Sản phẩm đá: Đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đá 5x7, đá 0x4, đá mi bụi, mi sàng, ... Ngoài ra, Công ty còn nhận đơn đặt hàng sản xuất với quy cách tùy theo yêu cầu của khách hàng.
- Sản phẩm đất: Đất san lấp, đất sỏi, đất gạch các loại, ...



Xí nghiệp khai thác đá Soklu

- Là đơn vị hạch toán phụ thuộc, có chức năng, nhiệm vụ tổ chức các hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh sản phẩm đá, đất tại mỏ đá Soklu 2 và mỏ Soklu 5.
- Văn phòng giao dịch: Km 07, Quốc lộ 20, ấp Nguyễn Huệ 2, xã Gia Kiệm, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 0251.3867582
- Fax: 0251.3764225
- Các mỏ đá:
 - » Mỏ đá Soklu 2 tại xã Gia Kiệm, tỉnh Đồng Nai.
 - » Mỏ đá Soklu 5 tại xã Gia Kiệm, tỉnh Đồng Nai.
- Sản phẩm đá: Đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đá 5x7, đá 0x4, đá mi bụi, mi sàng và đá phụ gia xi măng puzoland. Ngoài ra, Công ty còn nhận đơn đặt hàng sản xuất với quy cách tùy theo yêu cầu của khách hàng.
- Sản phẩm đất: Đất san lấp, ...



03 THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (tt)

Thông tin chi tiết một số đơn vị trực thuộc (tt)

Xí nghiệp Công trình Giao thông và Xây dựng

- Thi công các công trình giao thông, xây dựng dân dụng và bao che công nghiệp,....
- Văn phòng giao dịch: Tổ 1, đường Bùi Hữu Nghĩa, khu phố Tân Vạn 4, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 0251.3850279

Xí nghiệp Vận tải và Cơ giới

- Thực hiện chức năng vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của các xí nghiệp trực thuộc Công ty; vận chuyển các loại sản phẩm cung cấp cho khách hàng tại các bến thủy nội địa của Công ty.
- Văn phòng giao dịch: Tổ 7, khu phố Ông Hường, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai.

Xí nghiệp Kỹ thuật sửa chữa

- Sửa chữa, bảo trì xe tải, máy, thiết bị, phương tiện sản xuất chuyên dùng phục vụ sản xuất - kinh doanh cho các xí nghiệp, đơn vị trực thuộc Công ty.
- Văn phòng giao dịch: Tổ 12, khu phố Ông Hường, phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai.



Trung tâm Dịch vụ Xây dựng và Vật liệu xây dựng Biên Hòa

- Chuyên kinh doanh vật liệu xây dựng các loại, các mặt hàng trang trí nội thất do các doanh nghiệp trong và ngoài nước sản xuất, đặc biệt làm đại lý giới thiệu và bán sản phẩm do Công ty sản xuất; kinh doanh vật tư, phụ tùng máy móc thiết bị chuyên dùng, ...
- Văn phòng giao dịch: Số 1, đường Nguyễn Ái Quốc, khu phố Cây Chàm, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 0251.3842470 - 3941882

Mục tiêu chủ yếu

Đối với hoạt động sản xuất

- Tiếp tục duy trì vị thế là nhà cung cấp hàng đầu khu vực về sản phẩm đá xây dựng và là Công ty chuyên nghiệp, uy tín, chất lượng trong sản xuất vật liệu xây dựng.
- Không ngừng nâng cao năng lực sản xuất, nghiên cứu để cung cấp thêm sản phẩm đa dạng và có chất lượng nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng ngày càng tốt hơn.

Đối với nhân sự

- Đổi mới để phát triển, nâng cao năng lực quản trị, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng kế hoạch, chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty, đóng góp vào công cuộc đổi mới của địa phương, đồng thời đem lại việc làm, tạo thu nhập, phúc lợi cho người lao động.
- Hoạch định nguồn nhân lực Công ty: đào tạo theo chiều sâu và có chọn lọc đối với cán bộ, công nhân viên Công ty để đảm bảo tính kế thừa, phát triển ổn định và bền vững. Tối đa hóa năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng vị trí, công việc nhưng đồng thời phải ngày càng tinh gọn lực lượng lao động.
- Chú trọng đào tạo, cập nhật kiến thức mới, các ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến để chuẩn hóa cũng như nâng cao chất lượng lao động. Tạo điều kiện, cơ hội cho người lao động phát huy kinh nghiệm, sở trường, năng lực chuyên môn; gắn với tổ chức thực hiện tốt nhất các chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, thưởng, các phúc lợi khác theo tình hình thực tế, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong điều kiện pháp luật cho phép và sự đồng thuận của cổ đông để khích lệ người lao động tăng cường đóng góp và gắn bó lâu dài với Công ty.

Đối với môi trường xã hội

- Luôn đảm bảo công tác bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ tại các xí nghiệp, đơn vị trực thuộc, tuân thủ quy tắc an toàn tuyệt đối trong hoạt động sản xuất. Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ các máy, thiết bị, phân loại chất thải theo đúng quy định.
- Tuân thủ đầy đủ các quy định về quan trắc môi trường định kỳ; thực hiện việc xử lý bụi, tiếng ồn, chấn động, đá văng,... bằng cách lắp đặt hệ thống phun sương chống bụi; trồng cây xanh tại các khu vực khai thác, chế biến; áp dụng các kỹ thuật nổ mìn hiện đại; lắp đặt hệ thống phun xịt rửa xe, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt theo đúng quy định, yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước.
- Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm xây dựng hình ảnh doanh nghiệp có trách nhiệm với xã hội, môi trường.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty tiếp tục phát huy thế mạnh mạnh mẽ khai thác và chế biến đá xây dựng các loại; tối ưu chất lượng khai thác, hiệu quả tại các mỏ đá hiện có.

Duy trì thương hiệu của Công ty trên thị trường sản xuất vật liệu xây dựng thông qua việc đảm bảo uy tín và chất lượng sản phẩm, đảm bảo các tài sản, dự án đầu tư thật sự cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh và có hiệu quả trong tương lai.

Nâng cao năng lực tài chính để đảm bảo nền tảng tài chính vững mạnh, chủ động về nguồn vốn đầu tư để hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển.

- Xây dựng các mục tiêu phát triển bền vững dựa trên các trụ cột: luôn tuân thủ pháp luật, minh bạch các hoạt động của doanh nghiệp; hài hòa lợi ích cổ đông và người lao động; có trách nhiệm và tích cực đóng góp vì sự phát triển tại địa phương nơi đơn vị trực thuộc đứng chân.
- Công ty tập trung xây dựng hệ thống quản trị Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả để phát huy tối đa các nguồn lực là thế mạnh của Công ty, cũng như có khả năng khai thác và tận dụng tốt các cơ hội của thị trường trong từng giai đoạn cụ thể, qua đó duy trì mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ổn định hàng năm
- Gắn sự phát triển bền vững của Công ty với trách nhiệm xã hội thông qua việc chấp hành, tuân thủ các quy định của pháp luật về khai thác khoáng sản, bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên; đóng góp phát triển kinh tế, cơ sở hạ tầng địa phương, hoạt động thiện nguyện, nhân văn, từ thiện, tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng.

Rủi ro kinh tế

Năm 2025 đánh dấu một cột mốc rực rỡ khi Việt Nam khép lại kế hoạch 5 năm (2021-2025) với nhiều thành tựu trong bối cảnh có nhiều biến động phức tạp từ địa chính trị, thiên tai. Dưới sự điều hành quyết liệt của Chính phủ, nền kinh tế đã tạo nên bước “bứt phá toàn diện” với tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đạt 8,02%, đưa quy mô kinh tế chạm mốc 514 tỷ USD - tăng gần 1,5 lần so với năm 2020. Trong sự phát triển chung đó, khu vực công nghiệp và xây dựng đóng vai trò quan trọng khi gắn liền với các dự án trọng điểm như Sân bay Long Thành và các tuyến đường cao tốc, vành đai kết nối mạng lưới hạ tầng giao thông quốc gia.

Dựa trên nền tảng tăng trưởng vững chắc giai đoạn 2021 – 2025, năm 2026 là cột mốc đầu tiên trong kế hoạch 5 năm đầu tiên của “Kỷ nguyên vươn mình” với mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân đạt từ 10%/năm trở lên. Các dự án hạ tầng giao thông xây dựng tiếp tục được đẩy mạnh thi công, đặc biệt tại khu vực trọng điểm Đồng Nai – TP.HCM, đây sẽ là thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc ngành xây dựng, vật liệu xây dựng nói chung và BBCC nói riêng có điều kiện đẩy mạnh phát triển trong năm 2026 và những năm tiếp theo. Tuy nhiên tình hình kinh tế thế giới vẫn tiềm ẩn rủi ro, cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia tăng, tình hình chiến sự tại Trung Đông, cùng với những biến động khó lường của thị trường toàn cầu đã và đang tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất – kinh doanh của các doanh nghiệp, dự đoán năm 2026 tiếp tục là một năm nhiều thách thức, khó khăn.



Giải pháp: Đứng trước bối cảnh đó, BBCC xác định tâm thế chủ động bằng việc phát huy tối đa lợi thế từ các mỏ đá có trữ lượng và chất lượng hàng đầu tại khu vực Đông Nam Bộ để đảm bảo cung ứng sản lượng ổn định cho các dự án lớn, dự án trọng điểm cấp quốc gia, đồng thời luôn theo dõi sát sao tình hình và đánh giá các tác động tiềm ẩn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành khai thác, chế biến đá xây dựng nói chung và Công ty nói riêng để linh hoạt ứng phó với sự biến động của nền kinh tế trong và ngoài nước.

Rủi ro pháp luật

Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng với nền kinh tế quốc tế nên các văn bản pháp luật đã và đang được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế. Năm 2025 đánh dấu một bước ngoặt khi Quốc hội ban hành tới 86 Luật (bao gồm cả Luật mới và Luật sửa đổi, bổ sung) và Chính phủ ban hành hơn 300 Nghị định để hướng dẫn thi hành, tạo nền tảng pháp lý quan trọng cho giai đoạn phát triển 2026-2030.

Khoáng sản là nguồn tài nguyên quan trọng của Quốc gia, phục vụ xây dựng và phát triển hạ tầng. Vì vậy, Nhà nước ngày càng tăng cường quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác nhằm bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, khung pháp lý điều chỉnh lĩnh vực khoáng sản hiện vẫn chưa thực sự đồng bộ, còn tồn tại sự chồng chéo giữa các quy định của Luật Đất đai, Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Khoáng sản cùng các chính sách thuế, phí liên quan. Mặc dù trong năm 2025 Nhà nước đã có nhiều nỗ lực tháo gỡ, nhưng trên thực tế vẫn còn không ít vướng mắc. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp khai thác khoáng sản đang phải đối mặt với nhiều rủi ro pháp lý đáng kể.

Mặt khác, các quy định liên quan đến công ty đại chúng đã liên tục cập nhật, thay đổi theo hướng tạo điều kiện cho nhà đầu tư nước ngoài tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam, đồng thời nâng cao tính minh bạch thông tin của các công ty đại chúng như: Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025, Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25/11/2025 của Chính phủ,...



Giải pháp: BBCC luôn theo dõi và cập nhật những quy định mới nhất, chủ động đưa ra những đánh giá, nhận định phù hợp và linh hoạt điều chỉnh các kế hoạch đã đề ra nhằm đáp ứng yêu cầu của pháp luật, đảm bảo việc tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, giảm thiểu rủi ro pháp lý trong quá trình hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Rủi ro về năng lực xe, máy, thiết bị

Các xe, máy, thiết bị phục vụ khai thác và chế biến đá của BBCC đã được đầu tư, sử dụng trên 15 năm và luôn trong tình trạng hoạt động hết công suất, có thể dẫn đến hư hỏng nhiều, làm chậm tiến độ và ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng sản phẩm của khách hàng, đặc biệt là các dự án lớn, dự án trọng điểm đòi hỏi nguồn cung ổn định và liên tục.

Giải pháp: Công ty có đội ngũ kỹ sư, thợ kỹ thuật có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, nhiều năm kinh nghiệm, thường xuyên thực hiện bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện nhằm đảm bảo hoạt động ổn định, giảm thiểu nguy cơ hỏng hóc và tránh gián đoạn trong quá trình khai thác, sản xuất. Đồng thời, Công ty tích cực nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ và kỹ thuật tiên tiến; thanh lý những xe, máy, thiết bị hư hỏng nặng hoặc xuống cấp nghiêm trọng, hao phí nhiên liệu cao không mang lại hiệu quả kinh tế để thu hồi vốn, tái đầu tư nâng cao năng lực sản xuất và sử dụng vốn đạt hiệu quả nhất. Song song với việc nâng cấp, BBCC chủ động tìm kiếm nguồn cung ứng vật tư và phụ tùng thay thế để kịp thời xử lý khi gặp sự cố máy móc, thiết bị.

Rủi ro thời tiết và môi trường

Khu vực Nam Bộ với đặc thù nhiệt độ cao quanh năm và những mùa mưa kéo dài luôn là thách thức lớn đối với ngành khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng. Điều này ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ sản phẩm của Công ty do tình hình thi công công trình của các dự án bị chậm lại vào mùa mưa. Sự khắc nghiệt của thời tiết không chỉ ảnh hưởng đến sản lượng khai thác tại các công trường lộ thiên mà còn tiềm ẩn nhiều rủi ro về an toàn đối với đội ngũ công nhân trực tiếp làm việc ngoài trời.

Bên cạnh những thách thức về tự nhiên, các cơ quan quản lý Nhà nước ngày càng thắt chặt công tác giám sát bảo vệ môi trường, đặc biệt đối với lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản. Đặc thù của ngành khai thác đá khó tránh khỏi những tác động tiêu cực như phát thải bụi, tiếng ồn, hay ảnh hưởng đến hệ thống nước mặt và nước ngầm tại khu vực lân cận nếu không có các giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp.

Giải pháp: Trong quá trình khai thác, sản xuất, Công ty thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường đã đề ra trong các báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, tuân thủ các quy định trong các giấy phép môi trường đã được cấp, đồng thời tuân thủ các nguyên tắc để đảm bảo an toàn lao động ngoài trời. Song song đó, Công ty không ngừng nghiên cứu các giải pháp, công nghệ mới để hạn chế tối đa những tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường xung quanh.

Rủi ro an toàn lao động

Khai thác và chế biến đá xây dựng thuộc nhóm ngành nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm nên nguy cơ xảy ra sự cố, tai nạn là rất cao. Những rủi ro này có thể gây ra những thiệt hại, ảnh hưởng bất lợi đáng kể đối với hoạt động, tài sản của Công ty và con người trong trường hợp xảy ra.

Giải pháp: Công ty luôn nhận thức và xác định công tác đảm bảo an toàn lao động phải được đặt lên hàng đầu từ khâu chuẩn bị nguồn đá nguyên liệu đến giai đoạn thành phẩm giao khách hàng. Bằng việc lựa chọn quy trình sản xuất, phương pháp sản xuất, trang thiết bị máy móc và hệ thống quản lý tốt nhất. Công ty luôn duy trì kiểm tra, giám sát thường xuyên đảm bảo chấp hành và tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật có liên quan như: công tác an toàn - vệ sinh lao động; phòng chống cháy nổ; công tác bảo vệ môi trường; công tác chăm lo sức khỏe người lao động và các chế độ, phúc lợi, đồng thời thường xuyên tuyên truyền, phổ biến kiến thức, nâng cao ý thức, nhận thức về an toàn lao động cho toàn thể CB-CNV lao động.





02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Bối cảnh tình hình hạ tầng giao thông, xây dựng năm 2025

Năm 2025, theo báo cáo từ Bộ Xây dựng, cả nước đã khởi công, khánh thành 564 công trình, dự án với tổng mức đầu tư trên 5,14 triệu tỷ đồng, nguồn vốn tư nhân 3,84 triệu tỷ chiếm 74,6%, nguồn vốn Nhà nước 1,3 triệu tỷ, chiếm 25,4%, đặc biệt trong đó đã hoàn thành 1.491 km cao tốc; 456 km quốc lộ; 251 km đường ven biển. Tại khu vực Đông Nam Bộ, dự án Sân bay Long Thành giai đoạn 1 cơ bản hoàn thành và đón chuyến bay kỹ thuật đầu tiên. Một số dự án giao thông trọng điểm khác như Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, đường Vành đai 3 - Thành phố Hồ Chí Minh đã thông xe kỹ thuật một phần. Kết quả này thể hiện sự quyết tâm của Chính phủ và sự đồng lòng của doanh nghiệp là yếu tố then chốt thúc đẩy tăng trưởng và lan tỏa phát triển kinh tế.

Đồng Nai là địa phương có 32 mỏ được cấp phép, trữ lượng còn lại khoảng 265 triệu m³, công suất khai thác theo thiết kế 22 triệu m³/năm, đủ khả năng cung cấp vật liệu xây dựng cho nhu cầu xây dựng trong tỉnh và nhiều dự án trọng điểm của vùng phía Nam. Tuy vậy, các dự án lớn như sân bay,

đường cao tốc, đường vành đai, khu đô thị, khu tái định cư đẩy mạnh thi công nên nhu cầu vật liệu xây dựng tăng cao, đặc biệt trong giai đoạn cuối năm, nhiều dự án hạ tầng bước vào giai đoạn tăng tốc để kịp hoàn thành trong năm 2025. Vì vậy UBND tỉnh Đồng Nai tập trung xử lý tháo gỡ những vướng mắc về thủ tục đất đai, khoáng sản, công suất khai thác, rà soát quy hoạch, điều tiết phân khai và tăng cường giám sát để giữ ổn định nguồn cung vật liệu xây dựng, tránh gián đoạn chuỗi thi công.

Trong năm 2025, BBCC nỗ lực thực hiện tối đa công suất đã cấp phép khai thác, đặc biệt mỏ Tân Cang 1 đã được UBND tỉnh chấp thuận cho tăng công suất khai thác theo Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ về việc ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn trong triển khai Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024.

Sản lượng và doanh thu tiêu thụ đá

Mỏ đá	Sản lượng đá tiêu thụ (m ³)		Doanh thu tiêu thụ đá (triệu đồng)	
	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025
Mỏ đá Tân Cang 1	2.588.510	2.433.917	465.358	468.012
Mỏ đá Thạnh Phú 1	2.033.253	2.279.768	326.592	417.836
Mỏ đá Thiện Tân 2	2.073.994	2.229.529	319.995	378.756
Mỏ đá Soklu 2	351.489	426.811	57.956	73.894
Mỏ đá Soklu 5	356.467	232.999	64.841	40.601
Tổng cộng	7.403.714	7.603.025	1.234.742	1.379.099

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025

Cơ cấu doanh thu thuần

ĐVT: triệu đồng

Cơ cấu doanh thu thuần	Năm 2024		Năm 2025		% Tăng/giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tiêu thụ sản phẩm đá, đất	914.182	70,12%	1.042.458	71,60%	14,03%
Kinh doanh vật liệu xây dựng	328.154	25,17%	368.245	25,30%	12,22%
Giao thông và xây dựng	108	0,01%	-	-	-
Doanh thu khác	61.284	4,70%	45.060	3,10%	-26,47%
Tổng doanh thu thuần	1.303.728	100%	1.455.763	100%	11,66%

Cơ cấu giá vốn hàng bán

ĐVT: triệu đồng

Cơ cấu giá vốn hàng bán	Năm 2024		Năm 2025		% Tăng/giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Sản phẩm đá, đất	633.715	66,62%	728.982	70,77%	15,03%
Kinh doanh vật liệu xây dựng	257.813	27,10%	257.643	25,01%	-0,07%
Giao thông và xây dựng	108	0,01%	-	-	-
Hoạt động khác	59.548	6,27%	43.380	4,22%	-27,15%
Tổng giá vốn hàng bán	951.184	100%	1.030.005	100%	8,29%

Nhận xét cơ cấu doanh thu thuần

Năm 2025 là cột mốc đáng nhớ của BBCC khi tổng doanh thu thuần đạt mức cao nhất từ trước đến nay trong lịch sử hoạt động. Cụ thể, doanh thu thuần từ sản phẩm đá, đất với giá trị ghi nhận 1.042.458 triệu đồng, tăng 14,03% so với năm 2024 nhờ nhiều công trình hạ tầng giao thông, xây dựng trong khu vực đẩy mạnh tiến độ thi công làm nhu cầu đá xây dựng các loại tăng mạnh. Đây cũng là mảng chủ lực của BBCC, chiếm 71,60% tổng doanh thu thuần. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng (bao gồm doanh thu bán đá xây dựng) cũng ghi nhận mức tăng trưởng so với cùng kỳ, đạt 368.245 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 25,30% tổng doanh thu thuần của Công ty. Tổng doanh thu thuần toàn Công ty đạt 1.455.763 triệu đồng, tăng trưởng 11,66% so với năm 2024.

Nhận xét cơ cấu giá vốn hàng bán

Trong bối cảnh áp lực chi phí đầu vào tăng cao, giá vốn hàng bán của BBCC cũng ghi nhận xu hướng tăng, tuy nhiên có sự phân hóa rõ rệt trong cơ cấu giá vốn. Cụ thể: sản phẩm đá, đất chủ lực của BBCC ghi nhận giá vốn tăng 15,03% so với cùng kỳ, đạt 728.982 triệu đồng. Đây là mức tăng tương ứng với đà tăng trưởng doanh thu từ mảng này. Trong khi đó, giá vốn kinh doanh vật liệu xây dựng thay đổi không đáng kể so với cùng kỳ, còn giá vốn khác ghi nhận giảm 27,15% so với cùng kỳ. Do đó, mặc dù giá vốn sản phẩm đá, đất tăng trên 15% nhưng tổng giá vốn hàng bán chỉ tăng 8,29% so với cùng kỳ, cho thấy nỗ lực kiểm soát chi phí hiệu quả của BBCC trong một năm đầy thách thức.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tt)

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025 (tt)

Cơ cấu lợi nhuận gộp

ĐVT: triệu đồng

Cơ cấu Lợi nhuận gộp	Năm 2024		Năm 2025		% Tăng/giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Sản phẩm đá, đất	280.467	79,56%	313.476	73,63%	11,77%
Kinh doanh vật liệu xây dựng	70.341	19,95%	110.602	25,98%	57,24%
Giao thông và xây dựng	-	-	-	-	-
Hoạt động khác	1.736	0,49%	1.680	0,39%	-3,23%
Tổng lợi nhuận gộp	352.544	100%	425.758	100%	20,77%

Nhờ nhu cầu đá xây dựng tăng và nỗ lực kiểm soát chi phí của BBCC, tổng lợi nhuận gộp năm 2025 đạt 425.758 triệu đồng tăng 20,77% so với cùng kỳ. Trong đó, sản phẩm đá, đất tiếp tục giữ vai trò trụ cột khi đóng góp đến 73,63% tổng lợi nhuận gộp. Trong khi đó, lợi nhuận gộp từ kinh doanh vật liệu xây dựng bao gồm lợi nhuận bán đá xây dựng chiếm hơn ¼ tổng lợi nhuận gộp, ghi nhận giá trị 110.602 triệu đồng, tăng 57,24% so với cùng kỳ. Nhìn chung, năm 2025 ghi dấu một bước phát triển mới của BBCC khi Công ty đạt được hiệu quả cao nhất trong quá trình hoạt động và phát triển.



Tình hình thực hiện so với kế hoạch

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2024	KH năm 2025	TH năm 2025	TH 2025/ KH 2025	TH 2025/ TH 2024
1	Doanh thu thuần	1.303.728	982.376	1.455.763	148,19%	111,66%
2	Lợi nhuận trước thuế	276.244	175.000	376.993	215,42%	136,47%

Nhờ sự quan tâm và hỗ trợ của các cấp lãnh đạo; năng lực quản trị, điều hành quyết liệt, hiệu quả của Hội đồng quản trị và Ban điều hành; vai trò tham mưu nhạy bén của các phòng nghiệp vụ; việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh linh hoạt, khoa học của Ban Giám đốc các xí nghiệp, đơn vị trực thuộc; cùng tinh thần làm việc cần cù, trách nhiệm của tuyệt đại bộ phận người lao động .v.v... chính là những nhân tố quan trọng, tạo nên sức mạnh tổng lực, kết hợp với những thuận lợi của thị trường đã giúp Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2025.



Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phiếu cá nhân sở hữu		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ	
1	Ông Huỳnh Xuân Đạo	Chủ tịch HĐQT	8.000	0,017%	Đại diện phần vốn Nhà nước sở hữu: 9.400.000 cổ phiếu
2	Ông Huỳnh Kim Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	60.000	0,13%	Đại diện phần vốn Nhà nước sở hữu: 7.990.000 cổ phiếu
3	Ông Phạm Quốc Thái	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty	-	-	-
4	Ông Phan Tấn Đạt	Thành viên HĐQT không điều hành	-	-	-
5	Ông Lê Đình Vũ Long	Thành viên HĐQT không điều hành	-	-	-

Thay đổi Hội đồng quản trị trong năm 2025

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT không điều hành	26/6/2020	26/6/2025
2	Ông Lê Đình Vũ Long	Thành viên HĐQT không điều hành	26/6/2025	

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị



01 ÔNG HUỖNH XUÂN ĐẠO

Chủ tịch HĐQT

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Không có

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/2009 - 03/2019	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	
03/2019 - 09/2019	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư
10/2019 - 05/2020	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư
06/2020	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng Kế hoạch - Đầu tư
07/2020 - 07/2021	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
07/2021 - đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Chủ tịch HĐQT

02

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tt)

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị (tt)



ÔNG HUỖNH KIM VŨ

Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh; Cử nhân kế toán

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/1997 - 05/2003	Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Kế toán Phòng Kế toán - Tài vụ
05/2003 - 10/2003	Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Phó Phòng Kế toán - Tài vụ
10/2003 - 05/2005	Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Kế toán trưởng
06/2005 - 08/2013	Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
09/2013 - 10/2015	Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
11/2015 - 06/2020	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
06/2020 - 07/2021	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Chủ tịch HĐQT
07/2021 - đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc



ÔNG PHẠM QUỐC THÁI

Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1994 - 1995	Sở Công nghiệp Đồng Nai	Chuyên viên tài chính
1995 - 12/03/2002	Sở Tài chính Đồng Nai	Chuyên viên tài chính
03/2002 - 07/2002	Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Nhân viên kiểm toán
07/2002 - 08/2003	Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Phó Phòng Kế toán - tài vụ
08/2003 - 10/2003	Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Quyền Kế toán trưởng
10/2003 - 05/2005	Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Phó Phòng Kế toán - tài vụ
06/2005 - 08/2013	Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Phó Phòng Kế toán - tài vụ
08/2013 - 10/2015	Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Quyền Kế toán trưởng
11/2015 - 06/2017	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Kế toán trưởng
06/2017 - 04/2022	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
04/2022 - đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị (tt)

**ÔNG PHAN TẤN ĐẠT**

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Tài chính Ngân hàng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần DRH Holdings; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2006 - 2009	Ngân hàng Eximbank	Chuyên viên đầu tư tài chính
2009 - 2014	Ngân hàng Eximbank	Phó Giám đốc đầu tư tài chính
2015	Công ty Cổ phần Đầu tư căn nhà mơ ước (DREAM HOUSE)	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2016 - 7/2020	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
08/2020 - đến nay	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	Chủ tịch HĐQT
08/2020 - đến nay	Công ty Cổ phần DRH Holdings	Chủ tịch HĐQT
25/05/2023 - đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Thành viên HĐQT

**ÔNG LÊ ĐÌNH VŨ LONG**

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Kinh tế Tài chính ngân hàng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2000 - 2019	Ngân hàng Phương Đông	
05/2021 - 07/2022	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	Trưởng ban kiểm toán nội bộ
07/2022 - 02/2024	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	Trưởng phòng Kế hoạch và Phát triển Kinh doanh
02/2024 - đến nay	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	Phó Tổng Giám đốc
26/6/2025 - đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Thành viên HĐQT

Danh sách Ban Điều hành Công ty

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phiếu cá nhân sở hữu		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ	
1	Ông Huỳnh Kim Vũ	Giám đốc Công ty	60.000	0,13%	Đại diện phần vốn Nhà nước sở hữu: 7.990.000 cổ phiếu
2	Ông Phạm Quốc Thái	Phó Giám đốc Công ty	-	-	-
3	Ông Nguyễn Hùng Thắng	Phó Giám đốc Công ty	-	-	-
4	Ông Phạm Thái Hợp	Phó Giám đốc Công ty	90.300	0,19%	-
5	Ông Nguyễn Như Thạch	Phó Giám đốc Công ty	2.000	0,004%	-
6	Ông Hoàng Đăng Quốc Vĩnh	Phó Giám đốc Công ty	-	-	-
7	Ông Trần Quốc Triều	Kế toán trưởng	30.000	0,06%	-

Lý lịch thành viên Ban Điều hành

01

ÔNG HUỖNH KIM VŨ

Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

02

ÔNG PHẠM QUỐC THÁI

Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty

Xem phần lý lịch
Hội đồng quản trị

Lý lịch thành viên Ban Điều hành (tt)

03

ÔNG NGUYỄN HÙNG THẮNG

Phó Giám đốc Công ty

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Kinh doanh và Quản lý

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Không có

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/1997 - 05/2005	Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Nhân viên kế toán
06/2005 - 07/2005	Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Nhân viên kế toán
08/2005 - 03/2014	Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Phó Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị
04/2014 - 10/2015	Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị
11/2015 - 21/4/2019	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị
22/04/2019 - 15/7/2020	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Phó Giám đốc
16/07/2020 - 22/7/2021	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Quyền Giám đốc
23/07/2021 - đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Phó Giám đốc

Lý lịch thành viên Ban Điều hành (tt)

**ÔNG PHẠM THÁI HỢP**

Phó Giám đốc Công ty kiêm Trưởng phòng Khoáng sản và Chất lượng

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ khai thác mỏ

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Không có

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/1996 - 10/2001	Công tác tại Công ty Xây dựng Sông Đà 14	
10/2001 - 05/2003	Công tác tại Công ty TNHH Liên Hiệp	
05/2003 - 05/2005	Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Nhân viên tài nguyên khoáng sản
06/2005 - 04/2010	Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Nhân viên tài nguyên khoáng sản
04/2010 - 10/2015	Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Phó phòng Kế hoạch - ĐT - CL
11/2015 - 11/2018	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Phó phòng Kế hoạch - ĐT - CL
12/2018	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Phụ trách phòng Khoáng sản và Chất lượng Công ty
01/2019 - 04/2023	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Trưởng phòng Khoáng sản và Chất lượng Công ty
05/2023 - đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Phó Giám đốc Công ty kiêm Trưởng phòng Khoáng sản và Chất lượng

**ÔNG NGUYỄN NHƯ THẠCH**

Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp khai thác đá Soklu

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ quản lý kinh tế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Không có

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2001 - 12/2002	Công ty Khoáng sản Đồng Nai	Chỉ huy Công trường Mỏ đá Soklu 2
12/2002 - 03/2003	Công ty Khoáng sản Đồng Nai	Phụ trách kế hoạch Xí nghiệp khai thác đá Soklu 2
03/2003 - 12/2003	Công ty Khoáng sản Đồng Nai	Phó Giám đốc Xí nghiệp khai thác đá Soklu 2
12/2003 - 05/2005	Công ty khai thác đá Đồng Nai	Đội trưởng Đội khai thác và chế biến đá Soklu 2 kiêm Giám đốc điều hành mỏ
05/2005 - 30/6/2006	Công ty khai thác đá Đồng Nai	Phó trưởng phòng Kỹ thuật - Đầu tư - Dự án Công ty
07/2006 - 10/12/2007	Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Giám đốc điều hành mỏ kiêm Chỉ huy mỏ mìn Mỏ đá Soklu 2
10/12/2007 - 10/2015	Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Phó Giám đốc Xí nghiệp khai thác đá Soklu
11/2015 - 22/6/2018	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Phó Giám đốc Xí nghiệp khai thác đá Soklu
01/7/2018 - 04/2023	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Giám đốc Xí nghiệp khai thác đá Soklu
05/2023 - đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp khai thác đá Soklu

Lý lịch thành viên Ban Điều hành (tt)

**ÔNG HOÀNG ĐĂNG QUỐC VĨNH**

Phó Giám đốc Công ty

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kế hoạch - Đầu tư

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Không có

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/2015 - 05/2016	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	Chuyên viên Ban Kiểm soát nội bộ
06/2016 - 03/2019	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	Quản lý Bộ phận kế toán Xí nghiệp Phước Vĩnh trực thuộc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương
04/2019 - 07/2020:	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán
08/2020 - 04/2023	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	Trợ lý Tổng Giám đốc
05/2023 - đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Phó Giám đốc Công ty

**ÔNG TRẦN QUỐC TRIỀU**

Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ quản trị kinh doanh, cử nhân kế toán

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Không có

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/1996 - 05/2005	Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Kế toán
06/2005 - 10/2015	Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Kế toán
01/11/2015 - 12/2018	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Kế toán
01/2019 - 10/2021	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Phó Trưởng Phòng Kế hoạch - Đầu tư
10/2021 - 17/4/2022	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Phó Trưởng Phòng Kế toán - tài vụ
18/4/2022 - đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Kế toán trưởng

Danh sách Ban Kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	cổ phiếu cá nhân sở hữu		Chi chú
			Số lượng	Tỷ lệ	
1	Ông Huỳnh Đường Tài	Trưởng Ban Kiểm soát	3.000	0,006%	-
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-	Đại diện phần vốn Nhà nước sở hữu: 5.640.000 cổ phiếu
3	Ông Lê Công Sơn	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-	-

Thay đổi Ban kiểm soát trong năm 2025

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Bà Nguyễn Thị Thu Trà	Thành viên Ban Kiểm soát	26/6/2020	26/6/2025
02	Ông Lê Công Sơn	Thành viên Ban Kiểm soát	26/6/2025	-

Lý lịch thành viên Ban Kiểm soát



01 ÔNG HUỖNH ĐƯỜNG TÀI

Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ kinh tế

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Không có

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/1998 - 05/2005	Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Nhân viên kế toán
06/2005 - 04/2014	Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Nhân viên kế toán
05/2014 - 10/2015	Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Trưởng nhóm kiểm toán nội bộ kiêm Kiểm soát viên
11/2015 - đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát

02

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (tt)

Lý lịch thành viên Ban Kiểm soát (tt)

02

BÀ NGUYỄN THỊ THANH TRÚC

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ tài chính - ngân hàng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Phó phòng Kế toán tài chính Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2006 - 2011	Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai	Ban Kiểm soát
2011 - đến nay	Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai	Công tác tại phòng Kế toán tài chính
2007 - 2011	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đồng Nai	Trưởng Ban Kiểm soát
2008 - 2016	Công ty Cổ phần Lothamilk	Trưởng Ban Kiểm soát
2008 - 2011	Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Chất đốt Đồng Nai	Trưởng Ban Kiểm soát
2009 - 2011	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đồng Nai	Trưởng Ban Kiểm soát
2016 - 2019	Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa	Thành viên Ban Kiểm soát
16/06/2021 - đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Thành viên Ban Kiểm soát

03

ÔNG LÊ CÔNG SƠN

Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Trưởng Phòng Đầu tư Tài chính CTCP DRH Holdings

Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
7/2006 - 3/2008	CTCP Tư vấn Đầu tư Việt Thành	Công tác tại Phòng Phân tích
3/2008 - 03/2016	Ngân hàng Eximbank	Công tác tại Phòng Đầu tư Tài chính
4/2017 - 05/2020	CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	Trưởng Ban Kiểm soát
8/2020 - 11/2024	Công ty TNHH Đầu tư KSB.	Tổng Giám đốc
3/2016 - đến nay	CTCP DRH Holdings	Công tác tại Phòng Đầu tư Tài chính
26/06/2025 - đến nay	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	Thành viên Ban Kiểm soát

Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng	Số lượng (người)	Tỷ trọng
I	Theo trình độ lao động	626	100%	625	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	135	21,57%	138	22,08%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	38	6,07%	38	6,08%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	428	68,37%	426	68,16%
4	Lao động phổ thông	25	3,99%	23	3,68%
II	Theo giới tính	626	100%	625	100%
1	Nam	537	85,78%	536	85,76%
2	Nữ	89	14,22%	89	14,24%
III	Theo thời hạn HĐLĐ	626	100%	625	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	8	1,28%	11	1,76%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	38	6,07%	43	6,88%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	580	92,65%	571	91,36%
Tổng cộng		626	100%	625	100%



Chính sách nhân sự

○ Chính sách tuyển dụng

Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ban hành thủ tục tuyển dụng số OA002, đảm bảo mọi quy trình tuyển dụng được thực hiện theo đúng thủ tục đã ban hành. Mọi cán bộ - công nhân viên được tuyển dụng đều phải đáp ứng tiêu chí về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc và năng lực thực hiện nhiệm vụ, phù hợp với yêu cầu của từng vị trí. Công ty đặc biệt chú trọng đến khả năng thích nghi với môi trường làm việc, kỹ năng chuyên môn và tinh thần trách nhiệm của ứng viên, nhằm đảm bảo đội ngũ nhân sự không chỉ đáp ứng được yêu cầu hiện tại mà còn có tiềm năng phát triển lâu dài.

○ Chính sách đãi ngộ, phúc lợi

Công ty xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương, thưởng và phúc lợi phù hợp với đặc thù ngành nghề, đảm bảo người lao động được hưởng đầy đủ quyền lợi theo quy định của Nhà nước. Mức lương được xác định dựa trên trình độ, năng lực và hiệu quả công việc, giúp tạo động lực để cán bộ, công nhân viên không ngừng nâng cao tay nghề, cải thiện năng suất lao động.

Để khuyến khích tinh thần sáng tạo và ghi nhận những đóng góp tích cực, Công ty áp dụng các chương trình khen thưởng linh hoạt, bao gồm thưởng định kỳ và thưởng đột xuất dành cho những cá nhân có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu quả sản xuất hoặc có đóng góp quan trọng vào hoạt động kinh doanh. Các chính sách khen thưởng này không chỉ mang tính động viên mà còn góp phần thúc đẩy tinh thần đổi mới, giúp Công ty liên tục nâng cao hiệu quả hoạt động.

Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt về nguồn nhân lực chất lượng cao, BBCC xác định việc thu hút và giữ chân nhân tài là yếu tố chiến lược nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững và duy trì vị thế hàng đầu khu vực về khai thác khoáng sản. BBCC xây dựng một môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp, an toàn, đồng thời tạo điều kiện tối ưu để mỗi nhân viên phát triển toàn diện và khuyến khích sáng tạo, đổi mới. Đặc biệt, việc cân bằng giữa phúc lợi và phát triển cá nhân để tăng cường sự gắn kết, động lực làm việc cho toàn thể đội ngũ CB-CNV lao động.

Chính sách nhân sự (tt)

Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên

Nguồn nhân lực là nền tảng cốt lõi, giữ vai trò then chốt trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Chính vì vậy, Công ty luôn đặt trọng tâm vào các chương trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng quản lý, nghiệp vụ thực tiễn để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả và ổn định.



Dựa trên kết quả đánh giá và khảo sát từ năm trước, hoạt động đào tạo được lập kế hoạch ngay từ đầu năm và luôn được điều chỉnh cho phù hợp trong suốt quá trình thực hiện.

Các chương trình đào tạo đa dạng và chuyên sâu:

- **Huấn luyện định kỳ:** với đặc thù ngành khai thác đá xây dựng, CB-CNV lao động đối mặt với nhiều rủi ro trong quá trình làm việc và BBCC luôn quan niệm nguồn nhân lực là tài sản quý báu nên Công ty thường xuyên tổ chức các khóa huấn luyện an toàn lao động, an toàn vận hành máy, thiết bị, bảo dưỡng sửa chữa, nghiệp vụ PCCC,... Điều này giúp nâng cao nhận thức và đảm bảo an toàn trong quá trình làm việc.
- **Đào tạo nâng cao tay nghề, chuyên môn kỹ thuật:** tổ chức các lớp đào tạo sơ cấp nghề, nâng bậc nghề nhằm giúp công nhân, thợ kỹ thuật cập nhật kiến thức, kỹ năng thực hành để nâng cao năng suất, chất lượng lao động và đáp ứng yêu cầu công việc tốt hơn.
- **Đào tạo kỹ năng quản lý:** khi cần thiết, cán bộ quản lý được cử đi học các khóa ngắn hạn để nâng cao kỹ năng quản lý, năng lực quản trị và lập kế hoạch chiến lược.

Ngoài ra, người lao động còn được Công ty hỗ trợ kinh phí để tham gia các khóa đào tạo phù hợp với từng vị trí, chức danh công việc nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo định hướng phát triển của Công ty.



Chính sách an toàn, bảo hộ lao động

Công tác đảm bảo an ninh trật tự - an toàn lao động, phòng chống cháy nổ được Ban Giám đốc Công ty đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chặt chẽ, từ việc hợp đồng với đơn vị có chức năng; phối hợp với Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho 708 lượt CB-CNV lao động thuộc các nhóm theo quy định đến công tác xây dựng kế hoạch, đánh giá về nguy cơ rủi ro và thực hiện kiểm tra định kỳ về an toàn - vệ sinh lao động, về thực hiện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, thực hiện phương án bảo vệ, giữ gìn tài sản Công ty. Ngoài ra, Ban Giám đốc Công ty còn chỉ đạo cán bộ, lực lượng chuyên trách thường xuyên đeo bám thực tế để kiểm tra, giám sát, chấn chỉnh, nhắc nhở các bộ phận có liên quan chấp hành nghiêm các quy trình, quy phạm về nổ mìn, khai thác và chế biến đá, về vận hành, sửa chữa xe máy, thiết bị, sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân trong suốt thời gian cao điểm sản xuất kinh doanh, nhờ đó công tác an toàn lao động trong năm 2025 luôn được đảm bảo.

Mức thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng số lượng người lao động	Người	639	626	625
Thu nhập bình quân của người lao động	Đồng/người/tháng	13.200.000	15.900.000	16.900.000

Đội ngũ cán bộ - công nhân viên của Công ty có chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm trong ngành khai thác đá xây dựng. Với sự am hiểu về ngành nghề, cùng với tay nghề vững vàng được tích lũy qua nhiều năm, nhân sự của Công ty không chỉ đảm bảo hoạt động sản xuất diễn ra hiệu quả, an toàn mà còn chủ động, sáng tạo, không ngừng phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quản lý, sản xuất.

Hiện tại, tổng số cán bộ - nhân viên của BBCC: 625 người, trong đó hơn 170 cán bộ - nhân viên đạt trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học và sau đại học thuộc nhiều chuyên ngành quan trọng như kế toán, tài chính, kiểm toán, quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, môi trường, địa chất, khai thác mỏ, công nghệ thông tin, kiến trúc, xây dựng dân dụng và cầu đường. Đây là lực lượng nòng cốt giúp Công ty vận hành hiệu quả và phát triển bền vững trong lĩnh vực khai thác đá. Ngoài ra, Công ty có hơn 426 công nhân lành nghề, trong đó nhiều công nhân có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực khai thác và chế biến đá xây dựng.

03 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Đối với công tác mở rộng vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh, trong năm 2025 Công ty thực hiện đền bù, nhận chuyển nhượng được 47.417,8 m² đất để mở rộng diện tích khai thác tại các mỏ Tân Cang 1, mỏ Thạnh Phú 1, mỏ Thiện Tân 2, với tổng giá trị đền bù hơn 71 tỷ đồng, đồng thời hoàn thành các thủ tục hoán đổi đất với Công ty Cổ phần Hóa An tại mỏ đá Tân Cang 1. Qua đó, giúp cho việc mở rộng moong, thiết kế đai, tầng và tổ chức các hoạt động khai thác, bố trí sản xuất kinh doanh tại các mỏ đá trực thuộc được thuận lợi hơn, kịp thời cung cấp đá xây dựng theo phân khai của UBND tỉnh khi những dự án lớn về hạ tầng giao thông tại khu vực được tập trung đẩy mạnh thi công như giai đoạn vừa qua cũng như trong những năm tiếp theo.

Song song với công tác mở rộng vùng nguyên liệu, BBCC còn đầu tư sửa chữa, nâng cấp máy nghiền sàng đá số 9 tại mỏ đá Thạnh Phú 1, nâng công suất từ 250 tấn/giờ lên 500 tấn/giờ, mua sắm xe đào bánh lốp hiệu Samsung MX6W-2 (đã qua sử dụng) góp phần bảo đảm năng lực sản xuất ổn định, đạt công suất khai thác theo thiết kế được phê duyệt, đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm, chủng loại đa dạng, phong phú, đáp ứng cung cấp đá xây dựng cho các dự án trọng điểm



Các khoản đầu tư tài chính của BBCC

Chỉ tiêu	Đơn vị	Số đầu năm 2025	Số cuối năm 2025
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại các ngân hàng	Triệu đồng	550.500	652.000

Các công ty con, công ty liên kết

BBCC không có công ty con hay công ty liên kết.



04

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2024	TH 2025	2025/2024
1	Tổng giá trị tài sản	999.461	1.169.552	117,02%
2	Doanh thu thuần	1.303.728	1.455.763	111,66%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	284.973	361.962	127,02%
4	Lợi nhuận khác	(8.729)	15.031	-
5	Lợi nhuận trước thuế	276.244	376.993	136,47%
6	Lợi nhuận sau thuế	218.627	301.437	137,88%

Nhận xét về tình hình tài chính năm 2025

Năm 2025 ghi dấu sự bứt phá mạnh mẽ về tình hình tài chính của BBCC với tổng tài sản tăng trưởng 17,02% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này là thành quả của chiến lược quản trị kép: “Thúc đẩy sản xuất kinh doanh song hành cùng kiểm soát chi phí”. Trước bối cảnh nhu cầu đá xây dựng tăng cao do các công trình trọng điểm quốc gia đẩy mạnh tiến độ thi công nên ngay sau Tết Nguyên đán 2025, Công ty đã khẩn trương điều chỉnh thời gian làm việc. Tuy chịu nhiều áp lực trong phân khai, nhưng với quyết tâm của Hội đồng quản trị, sự chỉ đạo quyết liệt và hiệu quả của Ban Điều hành Công ty; kết hợp tăng cường kiểm soát đối với tất cả các quá trình sản xuất kinh doanh, từ khâu bố trí, điều phối xe, máy; sử dụng điện năng, vật tư, phụ tùng thay thế; đến khâu tổ chức khai thác đá nguyên liệu, chế biến thành phẩm; kiểm soát định mức công nợ đối với khách hàng, quản trị rủi ro, nhờ đó lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng nhanh hơn doanh thu thuần, đạt 361.962 triệu đồng trong năm 2025.

TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN

1.169.552

triệu đồng

DOANH THU THUẦN

1.455.763

triệu đồng

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

301.437

triệu đồng



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,12	1,77
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,99	1,73
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	34,19	39,76
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	51,96	66,01
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	23,54	33,77
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,43	1,34
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	16,77	20,71
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	34,56	44,26
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	23,98	27,79
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	21,86	24,86

(Số liệu tính toán căn cứ trên BCTC kiểm toán năm 2025)

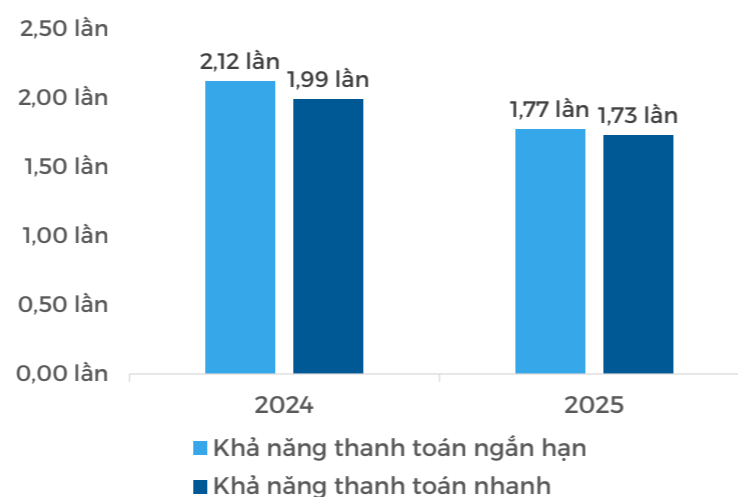
04

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tt)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (tt)

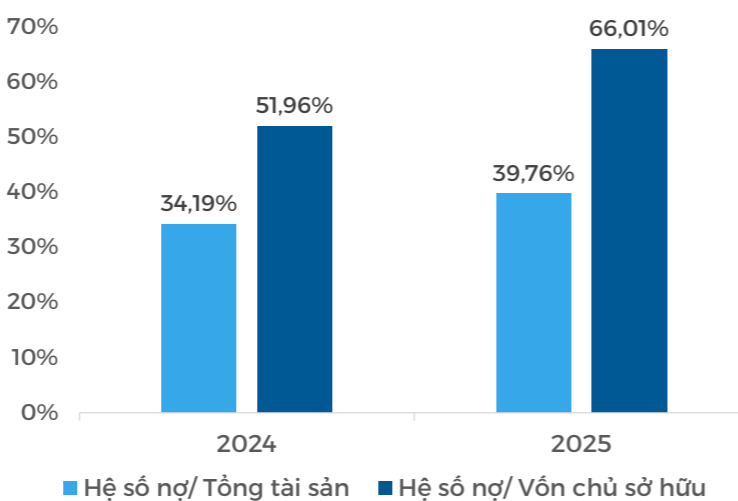
Khả năng thanh toán

Tại thời điểm cuối năm 2025, các chỉ số phản ánh khả năng thanh toán của BBCC có sự điều chỉnh tương đối so với cùng kỳ năm 2024, với hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 2,12 lần xuống 1,77 lần và hệ số thanh toán nhanh giảm từ 1,99 lần xuống còn 1,73 lần. Nguyên nhân chủ yếu đến từ nợ ngắn hạn tăng, do Công ty ghi nhận tăng tạm ứng cổ tức (tỷ lệ tạm ứng cổ tức năm 2025 là 30%/cổ phiếu, trong khi tỷ lệ tạm ứng cổ tức năm 2024 là 20%/cổ phiếu), và tăng trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi so với cùng kỳ. Tuy vậy, các hệ số thanh toán vẫn duy trì trên mức 1,7 lần, đồng thời cùng với lượng tiền và tương đương tiền luôn được duy trì ở mức đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ thanh toán tới hạn, tình hình tài chính của BBCC luôn giữ ổn định, lành mạnh.



Cơ cấu vốn

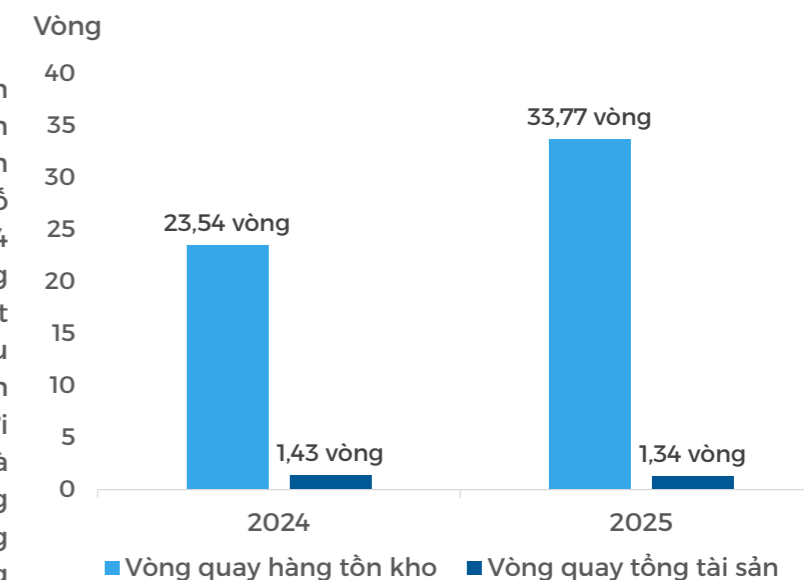
Năm 2025, cơ cấu vốn của BBCC ghi nhận sự dịch chuyển theo hướng gia tăng tỷ trọng nợ phải trả so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu xuất phát từ chính sách chi trả cổ tức và nghĩa vụ tài chính phát sinh từ kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm. Năm 2025, Công ty đã thực hiện 02 lần chi trả cổ tức của năm 2024 với tổng tỷ lệ lên đến 35%/cổ phiếu và 01 lần tạm ứng cổ tức của năm 2025 với tỷ lệ 30%/cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, do đó vốn chủ sở hữu cuối năm 2025 chỉ thay đổi 7,11% so với cùng kỳ năm 2024. Trong khi đó, nợ phải trả tăng 36,08% do Công ty ghi nhận tăng các khoản thuế phải nộp Nhà nước, trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và các khoản phải trả cổ tức cho bên liên quan. Hệ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu theo đó lần lượt tăng từ 34,19% và 51,96% lên 39,76% và 66,01%. Nếu loại trừ yếu tố tạm ứng cổ tức, các chỉ số cơ cấu vốn của BBCC vẫn duy trì sự ổn định tương đương so với năm trước, phản ánh một cấu trúc tài chính lành mạnh và khả năng tối ưu hóa lợi ích cho cổ đông hiệu quả.



Năng lực hoạt động

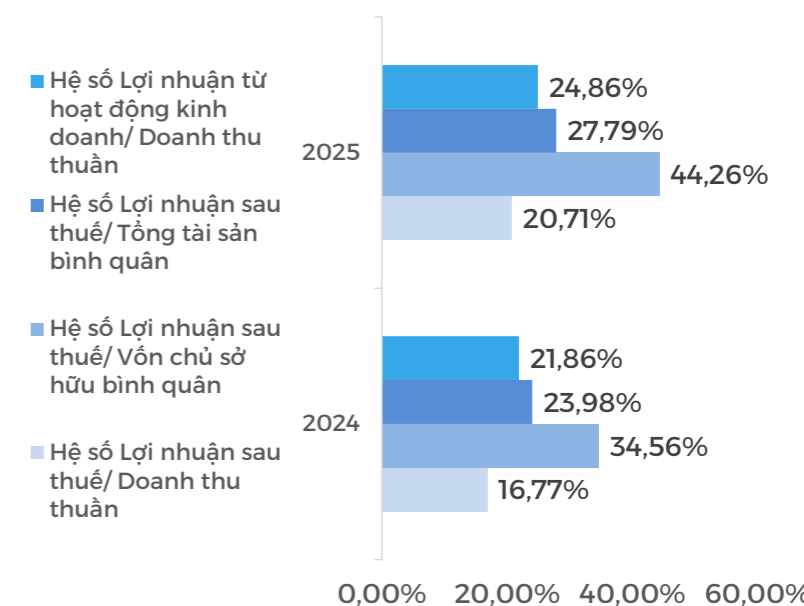
Các chỉ số về năng lực hoạt động năm 2025 của BBCC đã phản ánh tình hình kinh doanh đầy khởi sắc với nhiều điểm nhấn tích cực. Đáng chú ý nhất là chỉ số vòng quay hàng tồn kho tăng vọt từ 23,54 vòng lên 33,77 vòng - đạt mức tăng trưởng gần gấp rưỡi so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này là minh chứng rõ nét cho nhu cầu tiêu thụ đá xây dựng rất cao từ các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm, đồng thời khẳng định vị thế nhà cung ứng chủ lực và triển vọng tăng trưởng vượt trội của Công ty trong ngành. Tuy hệ số vòng quay tổng tài sản có sự sụt giảm nhẹ do tốc độ tăng trưởng doanh thu chưa bắt kịp tốc độ tăng

của tổng tài sản, nhưng đây là hệ quả tất yếu từ kế hoạch dài hạn. Việc phân bổ nguồn lực cho chi phí đền bù, mở rộng diện tích các mỏ đá trong năm qua chính là bước chuẩn bị nguồn nguyên liệu ổn định và đảm bảo năng lực cung ứng bền vững, tạo đà cho doanh thu bứt phá mạnh mẽ trong các giai đoạn tiếp theo.



Khả năng sinh lời

Năm 2025 đánh dấu cột mốc lịch sử của BBCC khi kết quả kinh doanh đạt mức cao nhất kể từ thời điểm cổ phần hóa, với các chỉ số sinh lời ghi nhận sự tăng trưởng đột phá và đồng bộ. Hiệu quả sử dụng vốn và tài sản được tối ưu hóa mạnh mẽ, thể hiện qua việc hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân tăng từ 34,56% lên 44,26% và hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân cải thiện từ 23,98% lên 27,79%. Khả năng quản trị chi phí cũng ghi nhận những chuyển biến tích cực dẫn đến hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần tăng từ 16,77% lên 20,71%. Việc hoàn thành xuất sắc các kế hoạch và chỉ tiêu đề ra không chỉ khẳng định năng lực điều hành nhạy bén của Ban Lãnh đạo mà còn là minh chứng vững chắc cho chiến lược phát triển bền vững, tạo tiền đề để Công ty tiếp tục bứt phá trong những chu kỳ phát triển tiếp theo.



05

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 46.921.600 cổ phiếu

Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thời điểm tăng vốn	Giá trị vốn tăng/giảm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm vốn (đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn
Năm 2015	-	450.000.000.000	Vốn điều lệ ban đầu
Năm 2018	20.000.000.000	470.000.000.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP)
Năm 2023	-784.000.000	469.216.000.000	Hủy bỏ cổ phiếu quỹ để giảm vốn điều lệ

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2025, BBCC không có giao dịch liên quan đến cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác

Trong năm 2025, BBCC không có hoạt động liên quan chứng khoán khác.

Cơ cấu cổ đông

(Tại ngày 30/12/2025)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Cơ cấu cổ đông		
				Số lượng cổ đông	Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	23.030.000	49,08%	1	1	-
2	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	14.210.800	30,29%	2	2	-
	- Trong nước	14.210.800	30,29%	2	2	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	201.040	0,43%	1	1	-
4	Cổ đông khác	9.479.760	20,20%	1.388	9	1.379
	- Trong nước	9.473.360	20,19%	1.387	9	1378
	- Nước ngoài	6.400	0,01%	1	-	1
TỔNG CỘNG		46.921.600	100%	1.392	13	1.379
Trong đó: - Trong nước		46.915.200	99,99%	1391	13	1378
- Nước ngoài		6.400	0,01%	1	-	1

Danh sách cổ đông lớn

(Tại ngày 30/12/2025)

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai - Một thành viên Công ty TNHH	Số 833A, Xa Lộ Hà Nội, KP5, P.Long Hưng, Đồng Nai	23.030.000	49,08%
2	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Công nghiệp KSB	Lô A1, đường D1, Khu A, Khu công nghiệp Đất Cuốc, Xã Bắc Tân Uyên, TP.HCM	10.300.000	21,95%
3	Công ty Cổ Phần Hoá An	20C, KP Cầu Hang, Phường Biên Hoà, Đồng Nai	3.910.800	8,33%

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tác động lên môi trường



BBCC cam kết thực hiện chiến lược phát triển bền vững gắn liền với bảo vệ môi trường thông qua việc thường xuyên theo dõi hệ thống xử lý nước thải cũng như kiểm tra chặt chẽ các hoạt động kiểm tra bảo dưỡng, bảo trì và nâng cấp máy, thiết bị nhằm nâng cao hiệu suất, tuổi thọ của máy móc; khai thác khoáng sản hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả để giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường.

Thông qua việc tăng cường công tác quản lý, kiểm soát tiêu hao nhiên liệu của các đội xe vận tải, cơ giới, trong năm qua Công ty đã tiết kiệm được 134.846 lít dầu DO, tương ứng số tiền 02 tỷ 227 triệu đồng. Con số này không chỉ mang ý nghĩa về mặt kinh tế mà còn trực tiếp góp phần giảm thiểu lượng phát thải khí nhà kính ra môi trường.

BBCC luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về quản lý chất thải, đảm bảo phân loại, thu gom và xử lý đúng quy định:

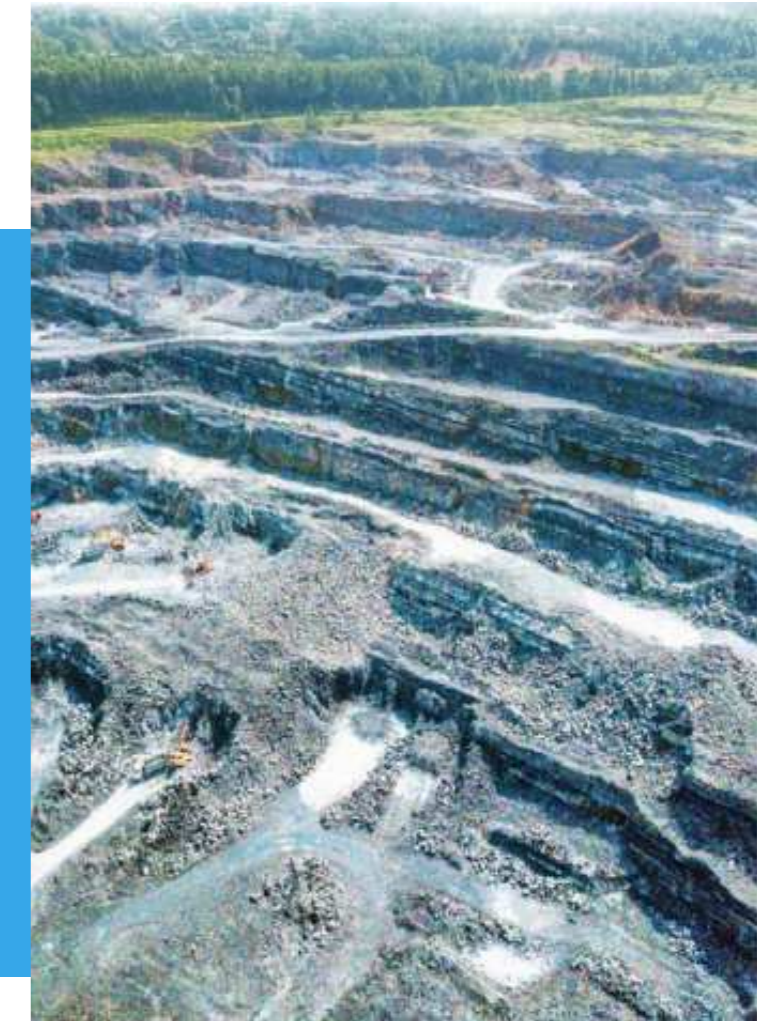
- Rác thải sinh hoạt được Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng (Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi, Công ty TNHH Môi trường Trí Ngọc Đạt và Hợp tác xã Thương mại và Dịch vụ Tấn Thành) đến thu gom, xử lý.
- Chất thải nguy hại phát sinh được giao cho Công ty TNHH Xử lý Môi trường sạch Việt Nam và Công ty Cổ phần Môi trường Tân Thiên Nhiên đến thu gom và đưa đi xử lý theo hợp đồng được ký kết hàng năm giữa hai Công ty.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

BBCC hiện tập trung vào khai thác và kinh doanh các sản phẩm đá xây dựng, với nguồn nguyên liệu chủ yếu được khai thác từ 05 mỏ đá thuộc quyền quản lý của Công ty, phân bố trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Trong số đó, ba mỏ đá đang hoạt động ổn định với trữ lượng nguyên khối lớn, đảm bảo khả năng khai thác trong dài hạn, tạo nền tảng vững chắc cho chiến lược phát triển bền vững của Công ty.

Công ty tiếp tục phối hợp với các cơ quan quản lý để hoàn tất thủ tục thuê đất, đền bù phần diện tích còn lại, đồng thời có kế hoạch tối ưu hóa khai thác tại các mỏ hiện hữu nhằm đảm bảo nguồn cung ổn định phục vụ sản xuất - kinh doanh và các dự án trọng điểm. Việc quản lý chặt chẽ tài nguyên, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng hợp lý nguồn nguyên liệu sẽ giúp BBCC duy trì hoạt động và đảm bảo phát triển bền vững trong dài hạn.



Tiêu thụ năng lượng

Trong hoạt động sản xuất của BBCC, điện năng là nguồn năng lượng chính, được cung cấp từ các công ty điện lực. Việc tiêu thụ năng lượng hiệu quả không chỉ giúp tối ưu hóa chi phí sản xuất mà còn đóng góp vào việc giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm phát triển bền vững. Trong bối cảnh nhu cầu sử dụng năng lượng ngày càng tăng và các quy định về bảo vệ môi trường ngày càng chặt chẽ, BBCC xác định quản lý năng lượng hiệu quả là yếu tố then chốt để đảm bảo sự phát triển bền vững.

Tổng lượng điện tiêu thụ trong năm 2025 là 29.274.396 Kwh.

Các biện pháp tiết kiệm điện:

- Đóng tắt các thiết bị tiêu thụ điện, hệ thống làm mát, điều hòa không khí, chiếu sáng khi không cần thiết.
- Nâng cao chất lượng công tác bảo trì, bảo dưỡng định kỳ nhằm góp phần giảm tiêu hao năng lượng; kết hợp cải tiến kịp thời các máy móc, thiết bị để nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm.
- Thay thế hệ thống chiếu sáng hiệu suất thấp bằng các thiết bị chiếu sáng tiết kiệm điện.
- Cán bộ - nhân viên luôn nêu cao tinh thần thực hiện tiết kiệm điện và không ngừng phát huy những sáng kiến, cải tiến nhằm tiết kiệm năng lượng.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tt)

Tiêu thụ nước

Năm 2025, BBCC tiêu thụ 13.944 m³ nước sạch do Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai và Công ty cổ phần cấp nước Gia Tân cung cấp, khai thác 164.728 m³ nước mặt từ sông Đồng Nai phục vụ công tác bảo vệ môi trường, khai thác 12.313 m³ nước dưới đất phục vụ sinh hoạt và công tác bảo vệ môi trường tại mỏ đá Soklu 2, tái sử dụng 300.511 m³ nước thải từ các mỏ đá Thạnh phú 1, Tân Cang 1 và Thiện Tân 2 để phục vụ công tác bảo vệ môi trường tại mỏ. Tổng lượng nước mà Công ty sử dụng là 491.496 m³, trong đó khoảng 70% sử dụng cho sản xuất, lượng còn lại sử dụng cho sinh hoạt.

Tổng lượng nước thải được tái sử dụng/tái chế:

Các nguồn nước	Tổng lượng nước được tái sử dụng/ tái chế (m ³)
Nước tháo khô mỏ	298.016
Nước thải sinh hoạt sau xử lý	2.495

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo kiểm soát rủi ro và giảm thiểu tác động tiêu cực từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong năm qua Công ty thi công làm đường bê tông tại mỏ đá Tân Cang 1, Bến thủy nội địa Thạnh Phú, hoàn chỉnh các đoạn đầu nối giữa đường vận chuyển sản phẩm nội bộ của mỏ đá Soklu 2 với tình lộ 762 vừa tạo điều kiện cho khách hàng vào mua đá xây dựng được thuận lợi, thông thoáng, sạch đẹp vừa tăng cường công tác bảo vệ môi trường. Song song đó, trong năm 2025, tại các mỏ đá của Công ty đã thực hiện trồng mới hơn 14.700 cây tràm, 2.050 cây xà cừ, 350 cây giá ty, 06 cây giáng hương.

Bên cạnh đó, tập thể lãnh đạo Công ty chỉ đạo các xí nghiệp, đơn vị trực thuộc quản lý chặt chẽ các loại chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, rác thải sinh hoạt, yêu cầu các bộ phận chuyên môn có liên quan đôn đốc, nhắc nhở cũng như tuyên truyền, quán triệt người lao động trong Công ty cùng nhận thức và xác định đây là trách nhiệm chung của mỗi người, luôn tuân thủ và tổ chức thực hiện đúng, đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã đề ra trong các báo cáo đánh giá tác động môi trường và giấy phép môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp, phục vụ cho chiến lược phát triển bền vững của Công ty



Chính sách liên quan đến người lao động

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện nhiều chính sách quan trọng nhằm chăm lo đời sống, đảm bảo việc làm và cải thiện môi trường lao động cho người lao động. Công tác bảo vệ sức khỏe được chú trọng với việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ lần 1, lần 2 (đối với những người làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm), khám bệnh nghề nghiệp, ... theo đúng kế hoạch đề ra từ đầu năm, qua đó giúp Công ty sắp xếp, bố trí công việc phù hợp với tình hình sức khỏe của người lao động; 100% công nhân lao động đều được ký hợp đồng lao động các loại theo quy định pháp luật và đóng BHXH, BHYT và bảo hiểm thất nghiệp năm 2025 là 20.068 triệu đồng (Công ty đóng 13.483 triệu đồng và người lao động đóng 6.585 triệu đồng).

Các chế độ phúc lợi cho người lao động như quà tết và tiền lương, tiền thưởng tiếp tục được nâng lên. Cụ thể lương bình quân người lao động năm 2025 là 16.900.000 đồng/người, đạt 130% so kế hoạch; các dịp lễ lớn trong năm Công ty thưởng cho CNLĐ bình quân từ 4 đến 15 triệu đồng/người. Trong năm 2025, Công ty tổ chức cho 540 CB-CNVLĐ đi tham quan, nghỉ mát ở trong nước và nước ngoài theo thỏa ước lao động tập thể của Công ty với số tiền 8.853.841.000 đồng.

Trên cơ sở doanh thu, lợi nhuận đạt được trong năm 2025, sau khi lấy ý kiến thống nhất của Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở, Ban Điều hành Công ty đã lập tờ trình và được Hội đồng quản trị thông qua chủ trương thưởng tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026 bình quân trên 30 triệu đồng/người. Ngoài ra Quà tết 2.666.374 đồng/người/phần, Công đoàn cơ sở chi tiền mặt cho người lao động Công ty 500.000 đồng/người. Các Công đoàn bộ phận trực thuộc tặng cho mỗi CNV-LĐ của đơn vị bằng hình thức nhận tiền mặt, quà, phiếu mua hàng trị giá từ 500.000 đồng đến 2.500.000 đồng..

Những chính sách trên không chỉ thể hiện trách nhiệm của Công ty đối với người lao động mà còn góp phần tạo động lực, nâng cao hiệu quả làm việc, từ đó hướng đến sự phát triển bền vững trong dài hạn.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (tt)

Chính sách liên quan đến người lao động (tt)

Chính sách an toàn, bảo hộ lao động

Bên cạnh việc chăm lo cho đời sống của người lao động, Công ty còn chú trọng đầu tư nâng cấp các thiết bị, máy móc nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình làm việc, đảm bảo môi trường lao động an toàn và đạt chuẩn. Hệ thống cảnh báo nguy hiểm, biển báo an toàn tại các khu vực có nguy cơ cao được lắp đặt đầy đủ, giúp người lao động nhận diện và phòng tránh rủi ro kịp thời.

Công tác huấn luyện và đào tạo an toàn lao động cũng được triển khai thường xuyên, với các chương trình bồi dưỡng kiến thức, thực hành kỹ năng xử lý tình huống nguy hiểm cho người lao động, đặc biệt là đội ngũ trực tiếp làm việc trong môi trường có yếu tố nguy hiểm, độc hại. Các buổi diễn tập phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố được tổ chức định kỳ, đảm bảo mọi người đều nắm vững quy trình xử lý khi có tình huống khẩn cấp xảy ra.

Ngoài ra, Công ty cũng tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng, chuyên gia về an toàn lao động để tổ chức huấn luyện, đánh giá thực tế, kịp thời khắc phục các tồn tại và nâng cao hiệu quả quản lý an toàn. Nhờ những nỗ lực này, trong năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì môi trường lao động an toàn, hạn chế tối đa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, góp phần bảo vệ sức khỏe, tính mạng của người lao động và đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra ổn định, hiệu quả.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Đối với công tác xã hội, trong năm qua, các tổ chức đoàn thể trong Công ty đã phối hợp với Người quản lý tiếp tục thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, xã hội từ thiện, hướng về cuộc sống cộng đồng như: Công ty đã duy trì thăm hỏi và hỗ trợ cho 07 gia đình chính sách với mức hỗ trợ 1.000.000 đồng/tháng/gia đình; phát huy truyền thống nhân văn, tương thân, tương ái, với nỗ lực hết mình vì lợi ích cộng đồng, luôn đặt phương châm gắn trách nhiệm xã hội trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong năm 2025, Công ty đã chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát, xây dựng nhà Đại đoàn kết trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, hưởng ứng phong trào "Vi người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau", ủng hộ vào Quỹ "Vi người nghèo" tỉnh Đồng Nai, hỗ trợ 01 bộ thiết bị dạy học trực tuyến cho học sinh tại huyện Tu Mơ Rông- tỉnh Kon Tum, ủng hộ đồng bào các tỉnh khu vực Bắc bộ và Trung bộ, miền Trung, Tây Nguyên bị thiệt hại do bão số 10 và số 11 gây ra trong năm 2025, đóng góp công trình "chiều sáng vùng biên giới" thiết thực chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV và Đại hội Công đoàn Việt Nam; đóng góp, ủng hộ cho các địa phương, nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đứng chân như: phường Biên Hòa, Trảng Dài, Tân Triều, Phước Tân, xã Gia Kiệm với tổng số tiền: 1.321.645.000 đồng.

Hoạt động đào tạo người lao động trong năm 2025

Trong năm 2025, Công ty đã phối hợp với các đơn vị có chức năng đào tạo quản trị công ty; tập huấn nghiệp vụ kế toán, đào tạo vận hành máy nghiền sàng đá, vận hành máy khoan, kỹ thuật xây dựng, đầu bếp suất ăn tập thể v.v..., qua đó đáp ứng yêu cầu, quy định của pháp luật về chứng chỉ, bằng nghề. Cụ thể:

STT	Tên Chương trình	Số lượt người lao động được đào tạo (người)	Kinh phí đào tạo (Triệu đồng)	Số giờ đào tạo trung bình (giờ/người)
1	Đào tạo quản trị công ty	08	40	20
2	Tập huấn nghiệp vụ kế toán	09	5,4	08
3	Đào tạo vận hành máy nghiền sàng đá, vận hành máy khoan, Kỹ thuật xây dựng,....	13	58,5	300
4	Nghiệp vụ Phòng cháy chữa cháy	144	103,44	16
5	An toàn, vệ sinh lao động	708	110	24
6	Tập huấn sơ cấp cứu	40	6,3	16
7	Đầu bếp suất ăn tập thể	13	96	300
Tổng		935	419,64	

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hiện Công ty đang tích cực nghiên cứu, đầu tư máy móc thiết bị, quy trình khai thác để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, phù hợp với định hướng xanh hóa sản xuất của Chính phủ. Công ty sẽ tham gia vào thị trường vốn xanh khi có hướng dẫn cụ thể từ các cơ quan quản lý.



03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

01

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Bối cảnh sản xuất kinh doanh trong năm 2025



Trong năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trong bối cảnh thuận lợi và khó khăn đan xen



Thuận lợi

Điểm thuận lợi đó là dự án sân bay quốc tế Long Thành, đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, đường vành đai 3 và nhiều công trình hạ tầng giao thông trọng điểm khu vực miền Đông và Tây Nam bộ được tập trung đẩy mạnh tiến độ. Công ty BBCC được UBND tỉnh xác định là đơn vị chủ lực trong việc phân khai, cung ứng đá xây dựng cho các dự án trọng điểm phải hoàn thành và vận hành kỹ thuật vào cuối năm 2025. Trên cơ sở đó Công ty đã chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc kéo dài liên quan đến các thủ tục đất đai và khoáng sản như: công tác thuê đất, đền bù, mở rộng diện tích mỏ; gia hạn thời gian khai thác mỏ đá Soklu 2 và Soklu5; điều chỉnh giấy phép khai thác tại các mỏ đá Tân Cang 1, Thạnh Phú 1, Thiện Tân 2, trong đó bổ sung nội dung khai thác đất, đá phong hóa làm cơ sở để Công ty triển khai thực hiện... Đây chính là cơ sở quan trọng để Công ty tối ưu hóa năng lực khai thác, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đảm bảo nguồn cung ứng cho thị trường.



Khó khăn

Bên cạnh các yếu tố thuận lợi, hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025 cũng đối mặt với nhiều áp lực do phải tập trung cung cấp đá cho các công trình trọng điểm theo sự phân khai của UBND tỉnh nên có những bị động, phát sinh chi phí nhất định trong việc tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và gián đoạn cung ứng cho khách hàng truyền thống; các nguy cơ về an toàn lao động luôn tiềm ẩn do Công ty phải tăng cường độ sản xuất và duy trì liên tục nhiều tháng liền; công tác đền bù đối với một số diện tích còn lại tại các mỏ gặp khó khăn do các yếu tố khách quan (chủ sử dụng đất chưa đồng ý về giá, hoặc yêu cầu chuyển nhượng toàn bộ đối với thửa đất có diện tích vừa nằm bên trong, vừa nằm bên ngoài giấy phép...); thuế tài nguyên, giá điện, giá thuốc nổ được điều chỉnh tăng; giá xăng, dầu không ổn định do bất ổn địa chính trị thế giới và chiến tranh thương mại giữa các nước lớn; tình hình thời tiết vừa có mưa bão kéo dài, vừa nắng nóng gay gắt làm ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động; cùng những khó khăn đặc thù của ngành nghề khai thác khoáng sản là những yếu tố tác động làm ảnh hưởng chung đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty.

01 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (tt)

Kết quả sản xuất kinh doanh

DVT: triệu đồng

CHỈ TIÊU	TH 2024	KH 2025	TH 2025	TH 2025/ KH 2025
Doanh thu thuần, trong đó:	1.303.728	982.376	1.455.763	148,19%
• Tiêu thụ sản phẩm đá, đất	914.182	739.376	1.042.458	140,99%
• Kinh doanh vật liệu xây dựng	328.154	243.000	368.245	151,54%
• Giao thông và xây dựng	108	-	-	-
• Doanh thu khác	61.284	-	45.060	-
Lợi nhuận trước thuế	276.244	175.000	376.993	215,42%

Trước những khó khăn do các yếu tố khách quan, nhưng bằng nhiều biện pháp, giải pháp về công tác đào tạo, sắp xếp, bố trí lao động; công tác quản trị sản xuất- kinh doanh, quản lý chất lượng, thương hiệu và công tác kỹ thuật, sửa chữa, quản lý đất đai- tài nguyên khoáng sản được tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát đồng bộ, toàn diện và hiệu quả của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát cùng với sự đồng thuận, hăng say lao động, nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ - công nhân viên toàn Công ty chính là những yếu tố quan trọng giúp Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch với kết quả cụ thể: doanh thu 1.455 tỷ đồng (đạt 148,19% kế hoạch), lợi nhuận trước thuế 376 tỷ đồng (đạt 215,42% kế hoạch), nộp ngân sách 436 tỷ đồng (đạt 140% kế hoạch) là kết quả kinh doanh tốt nhất trong lịch sử phát triển của đơn vị, thể hiện tinh thần đoàn kết, chủ động, sáng tạo, kiên định mục tiêu, tiếp tục khẳng định hiệu quả của các giải pháp về quản trị và điều hành toàn diện hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty.

DOANH THU THUẦN

1.455.763

triệu đồng

Đạt 148,19% so với kế hoạch
Tăng trưởng 11,66% so với cùng kỳ

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

376.993

triệu đồng

Đạt 215,42% so với kế hoạch
Tăng trưởng 36,47% so với cùng kỳ

Những tiến bộ Công ty đã đạt được



Ban Điều hành Công ty luôn quan tâm xây dựng một tập thể đoàn kết, đồng thuận, gắn kết từ cấp lãnh đạo đến người công nhân trực tiếp sản xuất. Các giải pháp, các quyết định quan trọng liên quan trực tiếp đến việc điều hành hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty đều được bàn bạc dân chủ, công khai, là kết quả chung của tập thể, nhờ đó đã phát huy tối đa trí tuệ và sức mạnh nội lực của Công ty BBCC.

Bên cạnh đó, tập thể Lãnh đạo Công ty cũng đặc biệt quan tâm và thực hiện tốt nhất các chế độ, chính sách đối với người lao động trong Công ty cổ phần, đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, cổ đông và người lao động Công ty, trong đó xem lợi ích của người lao động là động lực để phát triển đơn vị. Nhờ đó đã tăng cường thêm nội lực, giúp Công ty hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty trong năm 2025.

Tại Hội nghị Doanh nghiệp thường niên năm 2025, BBCC được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) vinh danh là một trong những doanh nghiệp đăng ký giao dịch trên UPCOM thực hiện tốt công bố thông tin và minh bạch giai đoạn 2024-2025, thể hiện Công ty không ngừng nâng cao công tác quản trị, luôn tuân thủ nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin, qua đó nâng cao hình ảnh, thương hiệu và tăng niềm tin với cổ đông, nhà đầu tư để ngày càng phát triển bền vững.

Tình hình tài sản

Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản BBCC ghi nhận đạt 1.169.552 triệu đồng, tăng trưởng 17,02% so với cùng kỳ năm trước. Mức tăng đều ghi nhận tại tài sản ngắn hạn và dài hạn.

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		%Thay đổi 2025/2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	698.647	69,90%	796.604	68,11%	14,02%
Tài sản dài hạn	300.814	30,10%	372.948	31,89%	23,98%
Tổng tài sản	999.461	100%	1.169.552	100%	17,02%

Cơ cấu tài sản ngắn hạn

ĐVT: triệu đồng

Cơ cấu tài sản ngắn hạn	31/12/2024		31/12/2025		%Thay đổi 2025/2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tiền và các khoản tương đương tiền	84.618	12,11%	92.430	11,60%	9,23%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	550.500	78,80%	652.000	81,85%	18,44%
Các khoản phải thu ngắn hạn	21.295	3,05%	20.664	2,59%	-2,96%
Hàng tồn kho	42.230	6,04%	18.767	2,36%	-55,56%
Tài sản ngắn hạn khác	4	0,00%	12.743	1,60%	315,665%
Tài sản ngắn hạn	698.647	100%	796.604	100%	14,02%

Tài sản ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2025 ghi nhận đạt 796.604 triệu đồng, tăng 14,02% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất, phản ánh chiến lược chủ động tận dụng mặt bằng lãi suất đang trên đà tăng cuối năm để gia tăng lợi nhuận từ nguồn vốn nhân rồi. Điểm nổi bật trong bức tranh tài chính là sự sụt giảm hơn một nửa giá trị hàng tồn kho (chỉ còn 18.767 triệu đồng), phản ánh nhu cầu lớn đối với sản phẩm của Công ty. Bên cạnh đó, việc tài sản ngắn hạn khác tăng đột biến lên mức 12.743 triệu đồng nhờ chính sách giảm tiền thuê đất theo Nghị định số 87/2025/NĐ-CP ngày 11/4/2025 và Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19/8/2025.

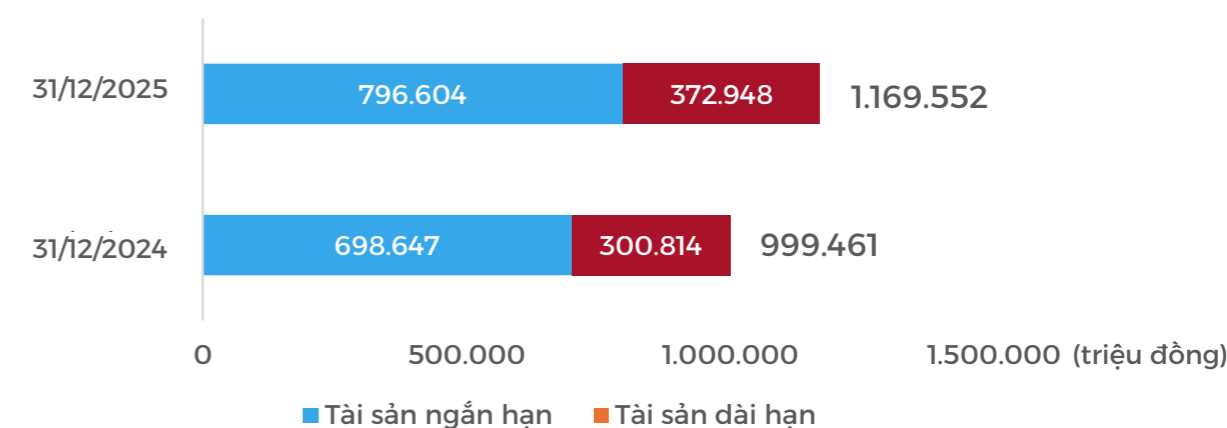
Cơ cấu tài sản dài hạn

ĐVT: triệu đồng

Cơ cấu tài sản dài hạn	31/12/2024		31/12/2025		%Thay đổi 2025/2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Các khoản phải thu dài hạn	32.616	10,84%	33.602	9,01%	3,03%
Tài sản cố định	43.841	14,57%	45.216	12,12%	3,14%
Tài sản dở dang dài hạn	199	0,07%	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	224.158	74,52%	294.130	78,87%	31,22%
Tổng cộng tài sản dài hạn	300.814	100%	372.948	100%	23,98%

Tài sản dài hạn tại ngày 31/12/2025 ghi nhận đạt 372.948 triệu đồng, tăng 23,98% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản dài hạn là các chi phí trả trước dài hạn, liên quan đến chi phí đền bù tại các mỏ đá. Đây thực chất là các khoản chi phí đã phát sinh thực tế nhưng do có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán nên được ghi nhận là tài sản và được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp dựa trên sản lượng khai thác thực tế và thời gian khai thác còn lại. Đáng chú ý, chi phí đền bù mỏ Thiện Tân 2, Tân Cang 1, Thạnh Phú 1 tăng nhờ việc đền bù và nhận chuyển nhượng thành công 47.417,8 m² đất tại các mỏ này. Đây cũng là nguyên nhân chính dẫn đến tài sản dài hạn ghi nhận tăng so với cùng kỳ, đồng thời là cơ sở cho sự tăng trưởng, phát triển của Công ty trong tương lai.

Cơ cấu tài sản



02

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TT)

Tình hình nguồn vốn

ĐVT: triệu đồng

Cơ cấu nguồn vốn	31/12/2024		31/12/2025		%Tăng/giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ phải trả	341.747	34,19%	465.051	39,76%	36,08%
- Nợ ngắn hạn	329.952	33,01%	450.407	38,51%	36,51%
- Nợ dài hạn	11.795	1,18%	14.644	1,25%	24,16%
Vốn chủ sở hữu	657.714	65,81%	704.501	60,24%	7,11%
Tổng nguồn vốn	999.461	100%	1.169.552	100%	17,02%

Tại ngày 31/12/2025, nợ dài hạn của Công ty duy trì ở mức thấp với 14.644 triệu đồng, chỉ chiếm 1,25% tổng nguồn vốn. Đáng chú ý, toàn bộ khoản nợ này không phải là nợ vay chịu lãi suất mà là dự phòng phải trả liên quan đến chi phí hoàn nguyên môi trường.

Trái ngược với sự ổn định của nợ dài hạn, nợ ngắn hạn ghi nhận mức tăng mạnh 36,51% so với cùng kỳ, đạt 450.407 triệu đồng. Tuy nhiên, sự gia tăng này mang tính chất tích cực khi phản ánh một năm kinh doanh đạt hiệu quả nhất kể từ sau cổ phần hóa. Lợi nhuận tăng đã kéo theo sự tăng tương ứng của các khoản thuế phải nộp và quỹ khen thưởng phúc lợi. Đặc biệt, việc người mua trả tiền trước tăng cao cho thấy nhu cầu rất lớn đối với sản phẩm đá xây dựng của Công ty. Ngoài ra, việc ghi nhận 140.161,68 triệu đồng cổ tức phải trả cũng là yếu tố quan trọng làm tăng nợ ngắn hạn.

Tại ngày 31/12/2025, vốn chủ sở hữu của Công ty ghi nhận đạt 704.501 triệu đồng tăng trưởng 7,11%, từ 657.714 triệu đồng cùng kỳ năm trước. Nhìn một cách tổng thể, dù nợ phải trả có xu hướng tăng, nhưng đều là những khoản nợ phi lãi suất, tạo dư địa lớn để Công ty tối ưu hóa dòng tiền. Điều này minh chứng cho một chiến lược tài chính linh hoạt, vừa tận dụng được cơ hội thị trường để bứt phá, vừa đảm bảo tính bền vững trong cấu trúc nguồn vốn dài hạn.



03

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC,
CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Ban Điều hành Công ty luôn quan tâm và tiếp tục chỉ đạo Phòng Tổ chức thường xuyên đánh giá, rà soát hiện trạng lao động tại tất cả tổ, đội sản xuất, bộ phận gián tiếp của các xí nghiệp, đơn vị trực thuộc để tham mưu bố trí, sắp xếp lao động tinh gọn trong điều kiện tăng cường độ sản xuất, đặc biệt mỏ đá Tân Cang 1 tăng công suất khai thác nhưng lao động vẫn đảm bảo duy trì ổn định đáp ứng yêu cầu sản xuất, cung ứng đá xây dựng cho các dự án trọng điểm tại khu vực, qua đó góp phần tăng năng suất, nâng cao hiệu quả sử dụng lao động.

04 KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch kinh doanh năm 2026

Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
Sản xuất sản phẩm đá các loại	m ³	6.800.000
Tiêu thụ sản phẩm đá các loại	m ³	6.800.000
Doanh thu, trong đó:	đồng	1.411.346.900.000
• Tiêu thụ sản phẩm đá các loại	đồng	1.379.654.100.000
• Tiêu thụ đất san lấp, đá phong hóa	đồng	21.700.000.000
• Kinh doanh vật liệu xây dựng	đồng	9.992.800.000
Lợi nhuận trước thuế	đồng	280.000.000.000

Cơ hội và thách thức năm 2026

Năm 2026 sẽ tiếp tục là năm cơ hội bứt phá về doanh thu cho Công ty khi hàng loạt dự án hạ tầng trọng điểm được triển khai, đẩy mạnh thi công như công trình Sân bay Long Thành, mở rộng cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, tuyến đường vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh, dự án xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành (đoạn qua địa bàn tỉnh), dự án Cầu Mã Đà, các dự án đường Đông - Tây Nam bộ v.v. Đây là các công trình quy mô lớn, nhu cầu về đá xây dựng rất lớn, mở ra những cơ hội để Công ty tận dụng lợi thế sở hữu các mỏ đá trữ lượng lớn, vị trí địa lý thuận lợi để gia tăng sản lượng tiêu thụ và nâng cao lợi nhuận.

Bên cạnh những cơ hội, trong năm 2026 hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty sẽ tiếp tục gặp những thách thức, khó khăn do các thủ tục pháp lý có liên quan đến lĩnh vực khai thác khoáng sản, tài nguyên, đất đai còn một số vướng mắc. Mặt khác, Công ty duy trì cung cấp đá xây dựng cho các nhà thầu, các ban quản lý dự án theo sự phân khai của tỉnh; đây là điều kiện thuận lợi về sự ổn định của thị trường, nhưng cũng phát sinh những khó khăn nhất định do Công ty không chủ động được trong việc kinh doanh, tồn kho một số sản phẩm đá, dẫn đến phát sinh tăng chi phí do phải di dời thành phẩm để có mặt bằng chế biến và duy trì đảm bảo an toàn lao động trong điều kiện cường độ sản xuất tại các mỏ của Công ty cao. Bên cạnh đó, thời tiết mưa, bão được dự báo diễn biến phức tạp do tác động của biến đổi khí hậu; bất ổn địa chính trị thế giới và chiến tranh thương mại giữa các nước lớn, nhất là chiến sự giữa Mỹ, Israel với Iran và những bất ổn đang lan rộng khu vực Trung Đông đã tác động, làm cho giá xăng, dầu tăng rất cao, kéo theo giá cả nhiều vật tư, chi phí đầu vào khác tăng mạnh, v.v. là những yếu tố sẽ làm ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty trong năm 2026.



Để thực hiện hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ, tập thể lãnh đạo Công ty xác định các nhóm giải pháp và công tác trọng tâm cần tập trung chỉ đạo thực hiện trong năm 2026 cụ thể như sau:

1

Một là, Tiếp tục phát huy các giải pháp đã thực hiện về công tác tổ chức, sắp xếp, bố trí lao động; công tác quản trị sản xuất, quản trị kinh doanh, quản trị chất lượng, thương hiệu; công tác kỹ thuật, sửa chữa mà Công ty triển khai thực hiện đạt kết quả tốt trong năm 2025.

2

Hai là, Tăng cường trách nhiệm của mỗi cán bộ, CNV-LĐ đối với công việc được giao, tạo nên sự đồng bộ, nhịp nhàng của cả hệ thống từ lao động giản đơn đến lao động có trình độ chuyên môn, cấp quản lý; phát huy tối đa lợi thế về nguồn nhân lực có chất lượng, ổn định; tăng cường phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin vào quản lý, sản xuất; phối hợp với đơn vị có chức năng tổ chức đào tạo AI đang trở thành xu hướng tất yếu, mở ra những cơ hội mới giúp Công ty nâng cao hiệu suất, tối ưu chi phí trong hoạt động, hỗ trợ cán bộ - nhân viên nghiệp vụ phân tích, thu thập, xử lý các dữ liệu, tăng năng suất làm việc. Đồng thời tiếp tục duy trì thực hiện thường xuyên, hiệu quả công tác đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng bổ sung kiến thức, các quy định mới của pháp luật, nhất là về lĩnh vực đất đai, tài nguyên khoáng sản, thuế, tài chính kế toán; về quản trị công ty đại chúng v.v..., cùng với các giải pháp về cải thiện, nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động, môi trường làm việc, chất lượng cuộc sống và các chế độ phúc lợi, thu nhập của người lao động.

04 KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (tt)

Biện pháp triển khai thực hiện (tt)

3

Ba là, Tập thể lãnh đạo Công ty tăng cường bám sát thực tế, kịp thời hỗ trợ, xử lý những khó khăn, vướng mắc ở các xí nghiệp, đơn vị, gắn với thực hiện điều hành tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh minh bạch, khoa học, phù hợp với sự chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước nhằm đạt kết quả tối ưu các biện pháp, giải pháp, chương trình, kế hoạch Công ty đề ra hàng năm, cũng như đảm bảo tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan đến ngành, nghề hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Qua đó, tiếp tục duy trì, nâng cao niềm tin, sự ủng hộ của quý cổ đông, cùng chia sẻ, đồng hành với những khó khăn phát sinh của Công ty, cùng cộng đồng trách nhiệm, đảm bảo hài hòa lợi ích của tất cả các cổ đông và người lao động Công ty, cũng như việc tuân thủ các chính sách, quy định của Nhà nước. Tổ chức ghi nhận và hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính rõ ràng, chính xác, kịp thời, thực hiện cân đối tài chính phù hợp với nhu cầu thực tế tại Công ty và đúng quy định của pháp luật.

4

Bốn là, Thực hiện tốt công tác kiểm soát quá trình sản xuất - kinh doanh nhằm đạt các mục tiêu, yêu cầu về tiết kiệm trong khoan - nổ mìn, sử dụng điện năng, nhiên liệu, công tác bảo trì - sửa chữa, thay thế vật tư, phụ tùng; thường xuyên cải tiến các quy trình kiểm soát chất lượng, rà soát các định mức kinh tế kỹ thuật; quản lý việc điều động, bố trí xe máy tại các xí nghiệp khoa học, hiệu quả v.v..., tối ưu hóa các quy trình sản xuất để nâng cao năng suất. Song song đó, tập trung thực hiện các công tác trọng tâm có liên quan như:

- Tiếp tục rà soát, xin chủ trương Hội đồng quản trị thanh lý những máy móc, thiết bị thường xuyên hư hỏng, hoạt động kém hiệu quả. Mặt khác, đánh giá năng lực vận chuyển, bốc xúc, nhu cầu các xe máy, thiết bị chủ lực v.v. để bố trí, sắp xếp, điều chuyển nội bộ một cách khoa học nhằm phát huy tối đa hiệu quả sử dụng tài sản đã đầu tư, đồng thời khi thật sự cần thiết sẽ xin chủ trương Hội đồng quản trị phân kỳ thực hiện nâng cấp, hoặc đầu tư một cách hợp lý, nhằm kịp thời bổ sung, đảm bảo năng lực phục vụ sản xuất an toàn, ổn định, chủ động, tiết kiệm và hiệu quả, đảm bảo nguồn sản phẩm đá cung cấp cho thị trường trong phạm vi công suất thiết kế được duyệt tại các mỏ trực thuộc.
- Tập trung rà soát, bổ sung hoàn tất thủ tục thuê đất, đền bù phần diện tích còn lại của Giấy phép tại các mỏ đá; lập thủ tục huy động vào thiết kế khai thác khu vực 44,3 ha mỏ đá Tân Cang 1; thủ tục xin mở rộng thăm dò, khai thác mỏ đá Soklu 2, Soklu 5 trên diện tích 20 ha để chuẩn bị nguyên liệu lâu dài cho Xí nghiệp Soklu.
- Thực hiện thuê dịch vụ nổ mìn tại Xí nghiệp khai thác đá Soklu nhằm tinh gọn lao động, nâng cao hiệu quả và giảm chi phí nổ mìn.



5

Năm là, Lãnh đạo các xí nghiệp, đơn vị trực thuộc cần phối hợp với tổ chức Công đoàn đặc biệt quan tâm và tiếp tục triển khai thực hiện thật tốt các công tác về đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng bệnh nghề nghiệp, phòng chống cháy nổ; đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ tài sản và công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động; tổ chức thực hiện nghiêm quy định “không an toàn, không sản xuất”, “sản xuất phải an toàn”; đảm bảo thực hiện triệt để các quy định của Công ty về bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các máy, thiết bị; ưu tiên nghiên cứu, cải tiến và đưa vào ứng dụng các thiết bị khai thác, chế biến, thiết bị vận chuyển vừa đảm bảo hiệu quả kinh tế, đồng thời bảo vệ tốt môi trường; thực hiện tốt công tác xử lý nước thải tại các móng khai thác mỏ đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định trước khi xả thải ra nguồn nước chung.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Tại BBCC, việc bảo vệ môi trường không chỉ là nghĩa vụ pháp lý đơn thuần, mà đó còn là kim chỉ nam cho sự tồn tại và phát triển bền vững của Công ty. Nhận thức rõ những đặc thù và tầm ảnh hưởng sâu rộng của ngành khai thác khoáng sản đến hệ sinh thái, Công ty đã chủ động nghiên cứu và xây dựng hệ thống quản trị rủi ro môi trường và triển khai từ cấp lãnh đạo đến từng cán bộ, công nhân viên.



Công ty nhận thức việc khai thác khoáng sản ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường xung quanh. Chính vì lẽ đó, Công ty luôn nghiêm chỉnh chấp hành các quy định, tích cực triển khai các biện pháp nhằm đảm bảo hạn chế những tác động tiêu cực đến môi trường như thực hiện trích ký quỹ phí hoàn nguyên môi trường, trồng cây xanh các loại tại các khu mỏ đá do BBCC quản lý; Công ty đã đầu tư xe bồn nước để tưới đường; thực hiện sửa chữa, nâng cấp, bê tông hóa các đường nội bộ, các đoạn đầu nối ra đường tỉnh lộ; lắp đặt hệ thống phun xịt rửa xe tại các mỏ đá, thực hiện lắp đặt hệ thống phun sương chống bụi cho toàn bộ các máy xay đá và băng tải chuyên đá; nghiên cứu áp dụng phương pháp nổ mìn mới nhằm hạn chế khí thải vào môi trường không khí và giảm chấn động, đá văng, đảm bảo an toàn trong khai thác khoáng sản; đầu tư, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại các mỏ đá đảm bảo đạt chuẩn trước khi thải ra bên ngoài... Những nỗ lực này không chỉ giúp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường mà còn góp phần nâng cao ý thức và trách nhiệm môi trường trong cộng đồng, đồng thời cải thiện hình ảnh và uy tín của Công ty.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong định hướng chiến lược của BBCC, Công ty không chỉ dừng lại ở mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận mà còn đặt sứ mệnh phụng sự cộng đồng lên vị trí ưu tiên hàng đầu. Công ty tin rằng, trách nhiệm xã hội là nền tảng cốt lõi đảm bảo cho sự phát triển bền vững và thịnh vượng lâu dài. Phương châm xuyên suốt của Công ty là gắn kết chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh với các giá trị nhân văn, từ đó lan tỏa những tác động tích cực đến đời sống xã hội.

Tại địa phương, Công ty chủ động đồng hành cùng các quỹ phát triển và dự án xây dựng hạ tầng, đồng thời triển khai các chương trình an sinh xã hội thiết thực nhằm hỗ trợ những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Đặc biệt, tinh thần tương thân tương ái còn được khơi dậy mạnh mẽ trong toàn thể đội ngũ cán bộ công nhân viên thông qua các hoạt động tình nguyện ý nghĩa như: đền ơn đáp nghĩa, tiếp sức đến trường cho học sinh nghèo vượt khó, và phong trào hiến máu nhân đạo, vận động CB-CNV lao động đóng góp cho những trường hợp người lao động bị bệnh nan y, hiểm nghèo có điều kiện điều trị bệnh,... Những nỗ lực không ngừng nghỉ này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng mà còn bồi đắp giá trị uy tín và bản sắc riêng biệt của Công ty.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực đối với việc phát triển bền vững, Công ty luôn chú trọng quan tâm, chăm lo đời sống của người lao động. Kết thúc năm 2025, các chế độ phúc lợi đối với người lao động tiếp tục được đảm bảo khi tiền lương và thưởng tết Nguyên đán cho người lao động của Công ty đều tăng so với năm 2024.

Hơn nữa, Công ty còn khuyến khích nhân viên đưa ra các ý kiến đóng góp và tích cực tìm kiếm các đề xuất để nâng cao hiệu quả, chất lượng công việc. Chính sách lương, thưởng của Công ty được xây dựng phù hợp với đóng góp và trách nhiệm của từng vị trí công việc. Công ty tiếp tục duy trì và từng bước nâng cao thu nhập, đảm bảo việc làm cho toàn thể cán bộ - công nhân viên lao động.

Hàng năm, Công ty tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho CB-CNV lao động thuộc các nhóm theo quy định; thực hiện đánh giá về nguy cơ rủi ro và thiết lập giải pháp kiểm soát nhằm loại bỏ nguy cơ tiềm ẩn, kiểm tra định kỳ về an toàn- vệ sinh lao động góp phần xây dựng môi trường làm việc an toàn, bền vững.





04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

01 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hoạt động sản xuất - kinh doanh

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	% Thực hiện 2025/Kế hoạch 2025
Doanh thu thuần	982.376	1.455.763	148,19%
Lợi nhuận trước thuế	175.000	376.993	215,42%
Lợi nhuận sau thuế	139.882	301.437	215,49%

Năm 2025 là một năm đặc thù khi BBCC được UBND tỉnh xác định là đơn vị chủ lực trong việc phân khai và cung ứng đá xây dựng cho các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia và địa phương. Vì vậy Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã chỉ đạo các phòng nghiệp vụ chủ động thực hiện các giải pháp, biện pháp để tối ưu hóa năng lực khai thác, đảm bảo nguồn cung ứng cho thị trường như: giải quyết các thủ tục đất đai, khoáng sản, môi trường; theo dõi chặt chẽ các hợp đồng cung cấp đá xây dựng với nhà thầu được phân khai của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường; thực hiện nâng cấp, sửa chữa máy, thiết bị kịp thời; bố trí, sắp xếp lao động, thời gian làm việc hợp lý, thích hợp trong từng giai đoạn kết hợp tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc các bộ phận chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn lao động, qua đó giúp Công ty hoạt động hiệu quả, ổn định trong năm 2025.

Kết thúc năm 2025, BBCC đạt doanh thu thuần 1.455 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 301 tỷ đồng, tăng lần lượt 12% và 38% so với năm trước, đây là năm có kết quả kinh doanh tốt nhất, đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Kết quả kinh doanh thuận lợi cũng giúp cổ phiếu VLB duy trì vùng giá cao trong năm qua. Qua đó tăng cường niềm tin của cổ đông, nhà đầu tư vào sự lãnh đạo Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty cũng như nâng cao uy tín, thương hiệu BBCC trên thương trường và trong các mối quan hệ với cơ quan quản lý cấp trên.

Những kết quả đạt được trong năm 2025 là minh chứng cho tinh thần trách nhiệm và lòng nhiệt huyết của tập thể cán bộ- công nhân viên. Trong điều kiện sản xuất với áp lực lớn, chính sự đoàn kết, đồng lòng, nhất trí từ cấp lãnh đạo đến người lao động đã giúp hệ thống vận hành nhịp nhàng, hiệu quả. Dù ở bất kỳ hoàn cảnh khó khăn nào, BBCC vẫn kiên định với sứ mệnh và giá trị cốt lõi. Sự nỗ lực vượt bậc của ý chí và niềm tin là động lực quan trọng nhất để Công ty vượt qua thử thách, hướng tới các mục tiêu chiến lược trong giai đoạn tiếp theo.

Hoạt động đầu tư

STT	Nội dung đầu tư	Số tiền (triệu đồng)
1	Đền bù, nhận chuyển nhượng 47.417,8 m ² đất để mở rộng diện tích khai thác tại các mỏ Tân Cang 1, Thạnh Phú 1, Thiện Tân 2	71.883
2	Nâng cấp máy nghiền sàng đá số 9 tại mỏ đá Thạnh Phú 1	11.287
3	Mua sắm xe đào bánh lốp hiệu Samsung MX6W-2 (đã qua sử dụng)	666

Thực hiện các chỉ đạo, yêu cầu của Hội đồng quản trị Công ty, trong năm 2025, Ban Điều hành Công ty đã tập trung triển khai các thủ tục đất đai tại các mỏ đá với kết quả: UBND tỉnh đã có quyết định chấp thuận cho Công ty thuê bổ sung 22,68 ha thuộc mỏ đá Thạnh Phú 1; 0,84 ha thuộc mỏ đá Thiện Tân 2; 8,29 ha thuộc mỏ đá Tân Cang 1; 1,46 ha thuộc mỏ đá Soklu 5; đồng thời hoàn thành gia hạn thuê đất tại mỏ Soklu 5 với diện tích 30,06 ha; gia hạn thuê đất mỏ Soklu 2 với diện tích 32,11 ha. Tổng diện tích đất trong ranh giới cấp phép khai thác mỏ được thuê và trả tiền thuê đất hàng năm, tính đến ngày 31/12/2025 là 243,6 ha.

02 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục ghi nhận và đánh giá cao những biện pháp, giải pháp mà Ban điều hành đã triển khai thực hiện trong năm 2025. Ban điều hành đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của pháp luật, đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, luôn tích cực, chủ động thực hiện và giải quyết các công việc với tinh thần trách nhiệm cao; thường xuyên báo cáo tình hình quản trị, điều hành Công ty, xin ý kiến chỉ đạo, định hướng của Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện công bố thông tin về tình hình hoạt động Công ty đúng quy định của pháp luật; đã điều hành, triển khai và tổ chức thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh khoa học, hiệu quả trong từng điều kiện và giai đoạn cụ thể của thị trường tiêu thụ sản phẩm đá xây dựng; đặc biệt đã tập hợp, phát huy được sức mạnh nội lực, sự đồng thuận, lao động sáng tạo, siêng năng, cần cù của mọi thành viên trong Công ty. Qua đó, thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bước sang năm 2026, HĐQT xác định đây tiếp tục là một năm có nhiều cơ hội bứt phá đi kèm những thách thức từ bối cảnh kinh tế - xã hội trong nước và thế giới.

Trong bối cảnh tình hình sản xuất kinh doanh của năm 2026 được dự báo sẽ tiếp tục đối mặt với những thách thức, việc quản lý và điều phối nguồn cung đá xây dựng theo phân khai của UBND tỉnh vẫn là bài toán đầy áp lực. Tuy nhiên, với kinh nghiệm đã có được qua năm 2025, HĐQT sẽ tiếp tục giữ vai trò định hướng và sẽ tạo những điều kiện tốt nhất giúp Ban Điều hành Công ty triển khai, tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất- kinh doanh thuận lợi và đạt kết quả cao nhất.

Các kế hoạch 2026

Trên cơ sở nhận định về những khó khăn, thuận lợi trong thời gian tới, Ban điều hành Công ty đề xuất và được Hội đồng quản trị thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua kế hoạch năm 2026 như sau:

- **Đá xây dựng tiêu thụ các loại:** 6.800.000 m³
- **Tổng doanh thu:** 1.411.346.900.000 đồng
- **Lợi nhuận trước thuế:** 280.000.000.000 đồng

Các nhóm giải pháp và công tác trọng tâm

Để thực hiện hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ nêu trên, Hội đồng quản trị xác định các nhóm giải pháp và công tác trọng tâm cần tập trung chỉ đạo thực hiện trong năm 2026 cụ thể như sau

1. Thực hiện và luôn đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong đó, Hội đồng quản trị tiếp tục thường xuyên rà soát, hoàn thiện các quy định quản lý nội bộ, hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp; đồng thời rà soát, khi cần thiết sẽ thực hiện điều chỉnh, phân công bổ sung nhiệm vụ cho các Thành viên Hội đồng quản trị phụ trách từng lĩnh vực đảm bảo phù hợp với kinh nghiệm, năng lực quản lý, năng lực công tác để quản lý, giám sát toàn diện hoạt động của Công ty. Qua đó, tăng cường phát huy cao nhất trách nhiệm, hiệu quả, chất lượng công việc của từng cá nhân theo quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
2. Thực hiện đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo đúng quy định, đồng thời Chủ tịch Hội đồng quản trị duy trì tham gia hội ý, tham gia họp giao ban định kỳ hàng tháng với Ban điều hành và cán bộ quản lý Công ty, xí nghiệp, đơn vị trực thuộc để kịp thời nghe báo cáo, nắm bắt thông tin về các hoạt động sản xuất kinh doanh; cũng như hỗ trợ, giúp Ban điều hành liên hệ báo cáo, giải trình, kiến nghị với các cơ quan quản lý Nhà nước tiếp tục xem xét tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về các thủ tục đất đai, khoáng sản, môi trường, đền bù mở rộng vùng nguyên liệu còn lại v.v.. Đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty luôn dựa trên nguyên tắc thượng tôn pháp luật, hiệu quả tốt nhất cho cổ đông, gắn với hài hòa lợi ích của tập thể người lao động tại doanh nghiệp.
3. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị thường xuyên sâu sát thực tiễn các hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty, kết hợp theo dõi sát sao tình hình phân khai của UBND tỉnh Đồng Nai, diễn biến của thị trường vật liệu xây dựng, thị trường bất động sản, tình hình triển khai những dự án trọng điểm về hạ tầng giao thông- xây dựng tại khu vực; các chính sách về thuế, phí có liên quan; năng lực tài chính, xe, máy, thiết bị của Công ty, v.v.. để xem xét, cho chủ trương thanh lý tài sản không còn nhu cầu sử dụng, hoặc sửa chữa, nâng cấp, đầu tư mới tài sản trong phạm vi, thẩm quyền cho phép khi thấy thật sự cần thiết. Qua đó, tiếp tục tập trung tăng cường năng lực sản xuất, phục vụ khai thác đạt 100% công suất theo giấy phép được duyệt đối với từng mỏ đá trực thuộc, phát huy tối đa thế mạnh hiện có để mang lại lợi nhuận tốt nhất cho Công ty.
4. Song song đó, tăng cường hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi nhất để Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện hiệu quả các biện pháp, giải pháp điều hành, tổ chức sản xuất kinh doanh; tổ chức kiểm soát chặt chẽ chi phí và các quá trình sản xuất kinh doanh từ khâu đầu đến khâu cuối; tăng cường thúc đẩy chuyển đổi số, công nghệ thông tin trong quản lý để gia tăng hiệu quả và tiết kiệm nguồn lực, gắn với tăng cường phát huy thế mạnh về thương hiệu, chất lượng sản phẩm và các yếu tố thuận lợi khách quan trong từng giai đoạn cụ thể nhằm đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ, tăng doanh thu, lợi nhuận đồng thời linh hoạt ứng phó, vượt qua những khó khăn, thách thức trong năm 2026, tiến tới thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.
5. Đẩy mạnh công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, ổn định; đầu tư vào các chương trình nâng cao kỹ năng cho đội ngũ cán bộ-công nhân viên để có đủ chuyên môn, kinh nghiệm thích ứng với những giai đoạn và chiến lược phát triển của Công ty; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, có trách nhiệm và chủ động trong mọi cấp quản lý.
6. Tiếp tục quản lý, giám sát thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường để phục vụ các yêu cầu, mục tiêu phát triển bền vững trong ngành khai thác khoáng sản gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc các bộ phận thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn lao động.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

(Thông tin chi tiết về thành viên HĐQT đã trình bày tại phần II.2 Tổ chức và nhân sự)

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hiện tại Công ty không có các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Ông Huỳnh Xuân Đạo	07/07	100%	-
02	Ông Huỳnh Kim Vũ	07/07	100%	-
03	Ông Phạm Quốc Thái	07/07	100%	-
04	Ông Phan Tấn Đạt	07/07	100%	-
05	Ông Nguyễn Thanh Tùng	03/07	43%	Miễn nhiệm ngày 26/6/2025
06	Ông Lê Đình Vũ Long	04/07	57%	Tham gia HĐQT từ ngày 26/6/2025

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ theo đúng Điều lệ tổ chức, hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành; hàng quý, Hội đồng quản trị đều duy trì họp, từng thành viên và tập thể Hội đồng quản trị luôn đồng thuận, tập trung, nghiêm túc triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua trên tinh thần trách nhiệm cao nhất; luôn thường xuyên theo dõi sát sao tình hình phân khai của UBND tỉnh Đồng Nai, công tác đầu tư và giải ngân vốn ngân sách đối với lĩnh vực hạ tầng giao thông; về tình hình, diễn biến giá xăng dầu, những điều chỉnh của Nhà nước về các chính sách vĩ mô liên quan đến đất đai, tài nguyên khoáng sản; luôn sâu sát với thực tế hoạt động của Công ty để kịp thời đề ra nghị quyết, quyết định, những định hướng lãnh đạo, chỉ đạo hợp lý, hiệu quả trong từng giai đoạn cụ thể, cũng như quản lý và giám sát chặt chẽ các hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị đã xem xét cẩn trọng và thống nhất thông qua nhiều vấn đề quan trọng của Công ty nhằm thực hiện hoàn thành tốt nhất các mục tiêu mà Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã đề ra. Cụ thể, năm 2025, Hội đồng quản trị duy trì tổ chức 07 cuộc họp và 07 lần lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Qua đó, ban hành 22 nghị quyết, 01 quyết định về các vấn đề liên quan như: xem xét, thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 trình ĐHĐCĐ; thông qua đơn giá sản phẩm dở dang, kế hoạch thưởng Tết Nguyên đán 2025; thông qua quyết toán tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024, kế hoạch 2025; các nội dung chuẩn bị trình ĐHĐCĐ thường niên; thông qua chủ trương nhận chuyển nhượng đất để thực hiện khai thác tại mỏ đá Tân Cang 1, Thạnh Phú 1, Thiện Tân 2; trả lại đất và thanh lý hợp đồng thuê đất; việc sửa chữa, nâng cấp máy nghiền sàng đá số 9 tại mỏ đá Thạnh Phú 1, công suất từ 250 tấn/giờ lên 500 tấn/giờ; đầu tư, thanh lý tài sản; lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về điều chỉnh kế hoạch chia cổ tức năm 2025; chia cổ tức đợt 2 năm 2024 và tạm ứng cổ tức năm 2025 bằng tiền,...

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
I. Nghị quyết				
1	66/NQ-HĐQT	13/01/2025	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
2	67/NQ-HĐQT	13/01/2025	Thông qua kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐQT Công ty, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024	100%
			Thông qua chủ trương áp dụng đơn giá sản phẩm dở dang năm 2025	100%
			Thông qua chủ trương về hạn mức vay vốn năm 2025 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh tỉnh Đồng Nai	100%
			Thông qua quyết toán quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của người quản lý, quỹ tiền lương thực hiện của người lao động và quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024	100%
			Thông qua quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động, quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý và kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025	100%
			Thông qua chủ trương về việc làm đường bê tông tại mỏ đá Tân Cang 1	100%
			Thông qua kế hoạch khen thưởng năm 2024 (Tết Ất Tỵ 2025)	100%
3	68/NQ-HĐQT	24/4/2025	Thông báo kết quả thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị	100%
			Thông qua báo cáo của Giám đốc Công ty về ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư tại các mỏ đá Tân Cang 1, Thạnh Phú 1 và Thiện Tân 2	100%
			Thông qua chủ trương về việc thanh lý tài sản cố định máy trộn đá Tân Cang	100%
			Thông qua chủ trương về việc thanh lý tài sản cố định gồm 01 máy đào bánh xích hiệu Hyundai Robex 2800KLC và 02 xe tải ben hiệu Hyundai	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

Hoạt động của Hội đồng quản trị (tt)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
3	68/NQ-HĐQT	24/4/2025	Thông qua chủ trương về việc sửa chữa, nâng cấp máy nghiền sàng đá số 9 tại mỏ đá Thạnh Phú 1, công suất từ 250 tấn/giờ lên 500 tấn/giờ	100%
4	69/NQ-HĐQT	24/4/2025	Cia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
5	70/NQ-HĐQT	29/5/2025	Thông qua chủ trương nhận chuyển nhượng đất để thực hiện khai thác tại mỏ đá Thiện Tân 2	100%
6	71/NQ-HĐQT	29/5/2025	Thông qua chủ trương nhận chuyển nhượng đất để thực hiện khai thác tại mỏ đá Tân Cang 1	100%
7	72/NQ-HĐQT	04/6/2025	Thông qua chương trình, nội dung và tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025:	100%
			Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
			Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
			Báo cáo của Ban điều hành Công ty về tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024; kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025	100%
			Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024; kế hoạch hoạt động năm 2025	100%
			Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024	100%
			Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty đã qua kiểm toán	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
7	72/NQ-HĐQT	04/6/2025	Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2024; kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2025	100%
			Tờ trình thông qua báo cáo tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2024 của Người quản lý Công ty và kế hoạch năm 2025	100%
			Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025	100%
			Quy chế ứng cử, đề cử, bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025 - 2030	100%
			Tờ trình về số lượng, danh sách nhân sự ứng cử, đề cử bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên Công ty nhiệm kỳ 2025 - 2030	100%
			Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
8	73/NQ-HĐQT	04/6/2025	Thông qua danh sách Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
9	74/NQ-HĐQT	04/6/2025	Thông qua kế hoạch thực hiện chế độ nghỉ mát của CBCNVLĐ năm 2025	100%
10	01/NQ-HĐQT	26/6/2025	Bầu Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2025-2030	100%
11	02/NQ-HĐQT	04/7/2025	Thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2024 bằng tiền	100%
12	03/NQ-HĐQT	23/7/2025	Thông qua Quy chế quản lý tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TT)

Hoạt động của Hội đồng quản trị (tt)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
13	04/NQ-HĐQT	18/9/2025	Thông qua kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐQT Công ty	100%
			Thông qua chủ trương thanh lý tài sản cố định là bờ kè và tấm đan bê tông cốt thép máy trộn đá Tân Cang	100%
			Thông qua chủ trương thanh lý tài sản cố định là xe đào Samsung MX6W-2 và đầu tư 01 xe đào cùng loại, đã qua sử dụng	100%
			Thông qua nội dung phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2025-2030	100%
14	05/NQ-HĐQT	16/10/2025	Thông qua chủ trương trả lại đất và thanh lý hợp đồng thuê đất đối với khu đất Văn phòng Xí nghiệp Khai thác đá Tân Cang tại phường Biên Hòa (phường Bửu Hòa, TP Biên Hòa cũ), tỉnh Đồng Nai	100%
15	06/NQ-HĐQT	30/10/2025	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
16	07/NQ-HĐQT	17/11/2025	Thông qua kết quả thực hiện các Nghị quyết của HĐQT Công ty	100%
17	08/NQ-HĐQT	17/11/2025	Thông qua chủ trương nhận chuyển nhượng đất 5 hộ (Nguyễn Quốc Cường, Trần Văn Đình, Trần Lệ Thu, Phùng Thị Liễu, Phùng Văn Hưng) tại mỏ đá Thạnh Phú 1	100%
18	09/NQ-HĐQT	17/11/2025	Thông qua chủ trương nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Văn Hiệp và hoán đổi đất với Công ty Cổ phần Hóa An tại mỏ đá Tân Cang 1	100%
19	10/NQ-HĐQT	17/11/2025	Thông qua hồ sơ, tài liệu gửi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
20	11/NQ-HĐQT	15/12/2025	Thông qua chủ trương thanh lý tháo dỡ tài sản cố định là trạm cân số 3 Công trường Thạnh Phú - Xí nghiệp Khai thác Đá	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
21	12/NQ-HĐQT	15/12/2025	Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2025 bằng tiền	100%
22	13/NQ-HĐQT	25/12/2025	Thông qua chủ trương nhận chuyển nhượng đất 2 hộ (Vũ Thị Bích Nhuận và Đỗ Phát Phương) để thực hiện khai thác mỏ đá Thạnh Phú 1	100%
II. Quyết định				
1	01/QĐ-HĐQT	23/7/2025	Về việc ban hành Quy chế về quản lý tài chính của Công ty Cổ phần Xây Dựng và Sản Xuất VLXD Biên Hòa (sửa đổi, bổ sung)	

Đào tạo về quản trị công ty

Đa số các thành viên HĐQT, thành viên BKS (làm việc chuyên trách), Ban điều hành, người phụ trách quản trị công ty và các cán bộ quản lý khác (08 người) đã hoàn thành khóa đào tạo về quản trị công ty từ ngày 28/6/2025 đến ngày 29/6/2025 do Viện phát triển nguồn nhân lực và kinh doanh (HUREDIN) thuộc Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức.



Danh sách gồm:

- Ông Huỳnh Xuân Đạo
- Ông Huỳnh Kim Vũ
- Ông Nguyễn Hùng Thắng
- Bà Trần Thị Phúc Hậu
- Ông Hoàng Đăng Quốc Vĩnh
- Ông Trần Quốc Triều
- Ông Huỳnh Đường Tài
- Ông Nguyễn Hoàn Vũ

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

(Thông tin chi tiết về thành viên BKS đã trình bày tại phần II.2 Tổ chức và nhân sự)

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
01	Ông Huỳnh Đường Tài	03/03	100%	100%	-
02	Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	03/03	100%	100%	-
03	Bà Nguyễn Thị Thu Trà	01/03	33%	100%	Miễn nhiệm ngày 26/6/2025
04	Ông Lê Công Sơn	02/03	67%	100%	Tham gia BKS từ ngày 26/6/2025



Những kết quả đạt được

- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2025.
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Kiểm tra giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.
- Kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tài chính quý, 06 tháng và năm của Công ty.
- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm.

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Giám đốc và cổ đông

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã thực hiện giám sát các hoạt động của Công ty như sau:

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2025.
- Giám sát tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ.
- Kiểm tra giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia đóng góp ý kiến về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Kết quả hoạt động giám sát của BKS đối với hoạt động của HĐQT, BTGD và Ban quản lý Công ty trong năm 2025:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức và duy trì đều đặn các cuộc họp định kỳ. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia đầy đủ các cuộc họp và tích cực tham gia ý kiến tư vấn cho Ban Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết, các Quyết định kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.
- Ban giám đốc đã triển khai thực hiện kịp thời Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị; thực hiện việc quản lý, điều hành một cách hợp lý, đúng pháp luật, phù hợp với tình hình kinh doanh của đơn vị và sự biến động của thị trường.
- Qua công tác giám sát trong năm 2025, Ban kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã thực hiện công tác quản lý, điều hành Công ty một cách có hiệu quả, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động.

02

BAN KIỂM SOÁT (TT)

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và tham gia ý kiến về các vấn đề được đưa ra và thông qua tại cuộc họp. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến Ban kiểm soát đầy đủ, kịp thời và đúng quy định.

Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã tạo mọi điều kiện để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ, cung cấp đầy đủ thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

Hội đồng quản trị luôn đề cao công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát và cân nhắc các ý kiến đóng góp của Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong công tác kiểm tra, giám sát, từ đó góp phần hoàn thành tốt công tác quản trị của Công ty.

Trong năm 2025, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông về hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc.



03

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

ĐVT: đồng

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Cộng
Ông Huỳnh Xuân Đạo	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.140.000.000	-	1.140.000.000
Ông Huỳnh Kim Vũ	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc	960.000.000	168.000.000	1.128.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên Hội đồng quản trị	-	81.666.667	81.666.667
Ông Phan Tấn Đạt	Thành viên Hội đồng quản trị	-	168.000.000	168.000.000
Ông Lê Đình Vũ Long	Thành viên Hội đồng quản trị	-	86.333.333	86.333.333
Ông Phạm Quốc Thái	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc	840.000.000	168.000.000	1.008.000.000
Ông Nguyễn Hùng Thắng	Người phụ trách Quản trị công ty, thư ký Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc	840.000.000	36.000.000	876.000.000
Ông Phạm Thái Hợp	Phó Giám đốc	840.000.000	-	840.000.000
Ông Nguyễn Như Thạch	Phó Giám đốc	840.000.000	-	840.000.000
Ông Hoàng Đăng Quốc Vĩnh	Phó Giám đốc	840.000.000	-	840.000.000
Ông Trần Quốc Triều	Kế toán trưởng	840.000.000	-	840.000.000
Ông Huỳnh Đường Tài	Trưởng Ban kiểm soát	600.000.000	-	600.000.000
Ông Lê Công Sơn	Thành viên Ban Kiểm soát	-	64.750.000	64.750.000
Bà Nguyễn Thị Thu Trà	Thành viên Ban Kiểm soát	-	61.250.000	61.250.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	Thành viên Ban Kiểm soát	-	126.000.000	126.000.000
Cộng		7.740.000.000	960.000.000	8.700.000.000

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Công ty Cổ Phần Hoá An	Người có liên quan của công ty	3.760.000	8,01%	3.910.800	8,33%	Mua cổ phiếu
Ông Huỳnh Xuân Đạo	Chủ tịch HĐQT	12.000	0,026%	8.000	0,017%	Bán cổ phiếu
Ông Phạm Quốc Thái	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty	5.000	0,011%	-	-	Bán cổ phiếu
Ông Nguyễn Hùng Thắng	Phó Giám đốc Công ty	5.000	0,011%	-	-	Bán cổ phiếu
Ông Phạm Thái Hợp	Phó Giám đốc Công ty	47.740	0,102%	90.300	0,19%	Mua cổ phiếu
Ông Phạm Văn Hùng	Người có liên quan đến ông Phạm Thái Hợp	2.000	0,004%	-	-	Bán cổ phiếu
Ông Nguyễn Như Thạch	Phó Giám đốc Công ty	9.900	0,021%	2.000	0,004%	Bán cổ phiếu
Bà Nghiêm Thị Ngọc Nga	Người có liên quan đến ông Nguyễn Như Thạch	6.000	0,013%	5.000	0,01%	Bán cổ phiếu
Ông Trần Quốc Triều	Kế toán trưởng Công ty	21.100	0,045%	30.000	0,06%	Mua cổ phiếu
Bà Phan Thị Ngọc Thảo	Người có liên quan đến ông Trần Quốc Triều	3.200	0,007%	4.500	0,009%	Mua cổ phiếu
Ông Huỳnh Đường Tài	Trưởng Ban kiểm soát	5.000	0,011%	3.000	0,006%	Bán cổ phiếu

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Đa số các thành viên HĐQT, thành viên BKS (làm việc chuyên trách), Ban điều hành, người phụ trách quản trị công ty và các cán bộ quản lý khác (08 người) đã hoàn thành khóa đào tạo về quản trị công ty. Đồng thời, thường xuyên tham gia các lớp tập huấn về Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn do Ủy Ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, VSDC tổ chức hướng dẫn để qua đó không ngừng hoàn thiện quản trị công ty nhằm thúc đẩy hoạt động và tăng cường minh bạch thông tin, khả năng tiếp cận của Công ty với các nguồn vốn bên ngoài, góp phần tích cực vào việc tăng cường giá trị công ty, giảm thiểu rủi ro, tăng cường đầu tư và phát triển bền vững.

Ngoài việc tập trung thực hiện đạt kết quả tốt nhất các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty; việc công khai, minh bạch các hoạt động của doanh nghiệp, việc công bố thông tin được tập thể Lãnh đạo Công ty quan tâm và chỉ đạo thực hiện chặt chẽ, kịp thời, đúng thời hạn quy định; bên cạnh đó việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, trả cổ tức được Công ty thực hiện đúng thời hạn theo Luật Doanh nghiệp qua đó đảm bảo quyền lợi và lợi ích của các cổ đông.

Quản trị doanh nghiệp

Quản trị tài chính - kế toán

Công ty luôn quan tâm áp dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản trị tài chính kế toán. Cụ thể, Công ty thực hiện cập nhật chương trình kế toán Fast Business Online theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC; thực hiện sửa chữa, thay thế phần mềm trạm cân tại các mỏ đá trực thuộc Công ty từ ngôn ngữ lập trình FoxPro sang phần mềm trạm cân FAST dễ tương thích, kết nối được phần mềm kế toán Fast Business Online; qua đó giúp cho công tác quản lý, kết nối, truy xuất, tổng hợp số liệu, lập báo cáo tài chính, phân tích tình hình tài chính, quản lý chi phí, theo dõi công nợ, vật tư, hàng tồn kho, vốn lưu động,... được thuận lợi, chính xác, kịp thời.

Quản trị nhân sự

Là doanh nghiệp hoạt động khai thác, chế biến đá với số lượng cán bộ-công nhân viên lao động trên 625 người và có nhiều đơn vị, xí nghiệp trực thuộc, do đó việc ứng dụng công nghệ thông tin sẽ giúp công tác quản lý nhân sự sẽ được thuận lợi, kịp thời, mang lại hiệu quả cao trong công tác quản lý hồ sơ nhân viên, tổng hợp báo cáo lao động, theo dõi tăng, giảm lao động, hưu trí, thống kê trình độ, in hợp đồng lao động,...

Quản trị quan hệ khách hàng

Trong năm 2025 Công ty tập trung cung cấp đá cho các công trình trọng điểm theo sự phân khai của UBND tỉnh đây là điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm nhưng cũng là khó khăn trong việc điều phối, cung cấp đá giữ chân các khách hàng truyền thống đã hợp tác, đồng hành với Công ty qua nhiều năm xây dựng và phát triển doanh nghiệp v.v..

Quản trị quan hệ chất lượng

Công ty đang áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2015 để xây dựng và kiểm soát hệ thống quản lý chất lượng. Hệ thống quản trị chất lượng của Công ty được Tổ chức Bureau Veritas chứng nhận duy trì phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Các loại đá dăm 5-10, 5-20 và 5-40 do Công ty sản xuất được Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 chứng nhận phù hợp QCVN 16:2019/BXD. Kế hoạch cải tiến trong tương lai: Công ty thực hiện cải tiến liên tục trong quá trình vận hành hệ thống quản lý chất lượng nhằm đáp ứng yêu cầu tại điều 10.3 của tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ và người có liên quan với người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Tổng Công Ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai - Một Thành Viên Công Ty TNHH	Người có liên quan của Công ty	Số: 3600253505, ngày cấp: 23/08/2018, nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	Số 833A, Xa Lộ Hà Nội, KP5, P.Long Hưng, Đồng Nai	2025	Nghị quyết số 01/2025/ĐHĐCĐ	Chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, tổng giá trị giao dịch: 80.605.000.000 đồng
2	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Công nghiệp KSB	Người có liên quan của Công ty	Số: 3702838077, ngày cấp: 10/4/2024, nơi cấp: Sở Tài chính TPHCM	Lô A1, đường D1, Khu A, Khu Công nghiệp Đất Cuốc, Xã Bắc Tân Uyên, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	2025	Nghị quyết số 01/2025/ĐHĐCĐ	Chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, tổng giá trị giao dịch: 36.050.000.000 đồng
3	Công ty Cổ Phần Hoá An	Người có liên quan của Công ty	Số: 3600464464, ngày cấp: 28/03/2024, nơi cấp: Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai	20C, KP Cầu Hang, Phường Biên Hoà, Đồng Nai	2025	Nghị quyết số 01/2025/ĐHĐCĐ	Chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, tổng giá trị giao dịch: 13.386.200.000 đồng





06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính kiểm toán 2025

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Hồ Chí Minh Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Sơn Hòa Ward, Hồ Chí Minh City, Vietnam
 Hanoi Branch : 40 Giang Võ St., Giang Võ Ward, Hà Nội City, Vietnam
 Central Region Branch : Lot STH 06A.01, Road 13, Le Hong Phong II Urban Area, Nam Hòa Trảng Ward, Khánh Hòa Province, Vietnam
 Southwest Branch : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Hùng Phú Ward, Cần Thơ City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
 Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
 Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nl@a-c.com.vn
 Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 1.0386/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2026, từ trang 08 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Chí Dũng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Võ Thành Công

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1033-2023-008-1



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		796.604.080.014	698.647.399.576
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	92.430.955.525	84.618.966.466
1. Tiền	111		37.430.955.525	34.618.966.466
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.000.000.000	50.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		652.000.000.000	550.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	652.000.000.000	550.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.663.770.161	21.294.643.934
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	3.403.376.723	6.340.680.642
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.281.528.848	2.230.293.518
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	13.978.864.590	12.723.669.774
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		18.766.693.399	42.229.753.696
1. Hàng tồn kho	141	V.7	18.766.693.399	42.229.753.696
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.742.660.929	4.035.480
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	659.720.298	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	12.082.940.631	4.035.480
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		372.948.034.763	300.813.988.561
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		33.602.601.248	32.615.391.732
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	33.602.601.248	32.615.391.732
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		45.215.789.898	43.841.226.670
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	45.215.789.898	43.841.226.670
- Nguyên giá	222		550.675.580.753	547.580.602.561
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(505.459.790.855)	(503.739.375.891)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		474.300.000	474.300.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(474.300.000)	(474.300.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	199.126.025
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	-	199.126.025
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		294.129.643.617	224.158.244.134
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	288.983.091.654	218.719.751.329
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	2.928.869.828	2.359.040.385
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.13	2.217.682.135	3.079.452.420
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.169.552.114.777	999.461.388.137

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		465.050.707.903	341.747.410.905
I. Nợ ngắn hạn	310		450.406.358.763	329.952.208.980
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	23.937.066.321	20.504.343.339
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	37.122.449.625	17.130.584.268
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	61.954.079.898	43.484.090.018
4. Phải trả người lao động	314	V.17	55.364.517.461	53.176.004.232
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	112.000.000	112.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	140.161.680.000	97.638.241.398
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	131.754.565.458	97.906.945.725
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		14.644.349.140	11.795.201.925
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.21	14.644.349.140	11.795.201.925
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA


Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		704.501.406.874	657.713.977.232
I. Vốn chủ sở hữu	410		704.501.406.874	657.713.977.232
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22a, b	469.216.000.000	469.216.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		469.216.000.000	469.216.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22a	20.714.147.461	20.714.147.461
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.22a	(3.437.784.000)	(3.437.784.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22a	128.966.470.714	98.822.795.183
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22a	89.042.572.699	72.398.818.588
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.636.205.136	72.398.818.588
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		86.406.367.563	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.169.552.114.777	999.461.388.137


 Nguyễn Ngọc Mai Phương
 Người lập


 Trần Quốc Triều
 Kế toán trưởng


 Đồng Nai, ngày 20 tháng 3 năm 2026

 Huỳnh Kim Vũ
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.455.763.188.199	1.303.727.922.970
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.455.763.188.199	1.303.727.922.970
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.030.005.289.943	951.183.914.371
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		425.757.898.256	352.544.008.599
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	30.655.067.406	19.889.159.265
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	14.636.659.789	11.241.361.512
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	79.814.507.640	76.218.727.995
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		361.961.798.233	284.973.078.357
11. Thu nhập khác	31	VI.6	15.401.529.891	2.849.654.087
12. Chi phí khác	32	VI.7	370.423.756	11.578.708.659
13. Lợi nhuận khác	40		15.031.106.135	(8.729.054.572)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		376.992.904.368	276.244.023.785
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	76.125.978.499	59.976.344.953
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	(569.829.443)	(2.359.040.385)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		301.436.755.312	218.626.719.217
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a, b	5.495	3.978
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8a, b	5.495	3.978

Đồng Nai, ngày 20 tháng 3 năm 2026


Nguyễn Ngọc Mai Phương
Người lập


Trần Quốc Triều
Kế toán trưởng


Huỳnh Kim Vũ
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		376.992.904.368	276.244.023.785
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	10.615.596.665	17.090.897.830
- Các khoản dự phòng	03	V.21	2.849.147.215	11.552.714.171
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 6	(31.484.151.217)	(21.133.866.473)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		358.973.497.031	283.753.769.313
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.925.574.664)	29.915.674.703
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		24.324.830.582	(2.577.431.852)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		31.939.866.181	28.937.829.307
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(70.923.060.623)	15.597.944.722
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(68.179.874.630)	(46.158.649.004)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.20	29.682.000	35.532.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(10.588.867.937)	(9.094.530.858)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		253.650.497.940	300.410.138.331
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, 11	(12.038.804.540)	(3.623.146.679)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.076.854.483	1.825.348.212
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.288.500.000.000)	(960.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.187.000.000.000	785.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	30.145.401.176	17.093.973.688
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(82.316.548.881)	(160.203.824.779)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19, 22	(163.521.960.000)	(88.769.064.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(163.521.960.000)	(88.769.064.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		7.811.989.059	51.437.249.552
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	84.618.966.466	33.181.716.914
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	92.430.955.525	84.618.966.466

Đồng Nai, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Ngọc Mai Phương
Người lậpTrần Quốc Triều
Kế toán trưởngHuỳnh Kim Vũ
Giám đốc**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng: đá xây dựng, cát xây dựng, đất sét nguyên liệu sản xuất gạch ngói, đất san lấp mặt bằng, đất cấp phối giao thông; xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; đại lý tiêu thụ các loại vật liệu xây dựng, trang trí nội thất cao cấp, phụ tùng và thiết bị cơ giới; sản xuất bê tông nhựa nóng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, doanh thu và lợi nhuận của Công ty tăng mạnh nhờ nhu cầu vật liệu xây dựng gia tăng từ các dự án đầu tư công, đặc biệt là dự án sân bay Long Thành, dự án hạ tầng giao thông khu vực miền Tây và Đông Nam Bộ được triển khai thi công.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 625 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 626 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân thời điểm và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí bồi thường, thăm dò mỏ đá bao gồm các chi phí phát sinh liên quan đến việc khai thác mở rộng mỏ đá. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp dựa trên sản lượng khai thác thực tế và thời gian khai thác còn lại.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	04

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm kế toán. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm kế toán không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và chi phí nâng cấp nhằm nâng cao tính năng sử dụng phần mềm. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng chi phí hoàn nguyên môi trường được lập cho các mỏ đang khai thác theo giá trị đã ký quỹ hàng năm theo quy định.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	833.464.000	936.567.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.597.491.525	33.682.399.466
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	55.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	<u>92.430.955.525</u>	<u>84.618.966.466</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 4,8%-6,2%/năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Đầu tư Nguyễn Minh	1.339.726.257	633.487.098
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Xây dựng và Vận tải Châu Pha	894.604.885	1.437.365.260
Công ty TNHH Đầu tư & Xây dựng Đá Việt	781.522.828	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Hàng không Sáu Bôn Bày	362.941.528	-
Công ty TNHH Phương Mười Re	-	1.202.050.416
Ban Quản lý Dự án khu vực 6	-	1.878.705.743
Các khách hàng khác	24.581.225	1.189.072.125
Cộng	<u>3.403.376.723</u>	<u>6.340.680.642</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thiết bị và Dịch vụ Kỹ thuật Thanh Long	1.597.860.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị & Dịch vụ Đồng Lợi	980.974.800	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế Big C Đồng Nai	504.931.594	521.717.418
Liên đoàn Bán đồ Địa chất Biên Miền Nam	-	1.100.000.000
Liên hiệp Khoa học Sản xuất địa chất Nam Bộ	-	345.404.000
Các nhà cung cấp khác	197.762.454	263.172.100
Cộng	<u>3.281.528.848</u>	<u>2.230.293.518</u>

0301
CÔ
EM T
HỒ

449
IG T
ÁN V
&
4-T

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	28.000.000	-	28.000.000	-
Phải thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	506.213.914	-	508.106.919	-
Phải thu bảo hiểm thất nghiệp	52.410.124	-	52.728.944	-
Lãi tiền gửi tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai	4.473.736.000	-	3.880.141.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	7.534.265.751	-	7.618.194.521	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.384.238.801	-	636.498.390	-
Cộng	13.978.864.590	-	12.723.669.774	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường các mỏ đá dài hạn. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Mỏ Thanh Phú 1	6.802.820.253	6.775.944.444
Mỏ Tân Cang 1	6.281.132.620	6.094.916.604
Mỏ Thiện Tân 2	10.260.502.523	9.693.199.221
Mỏ Soklu 2	5.554.368.266	5.554.368.266
Mỏ Soklu 5	4.703.777.586	4.496.963.197
Cộng	33.602.601.248	32.615.391.732

6. Nợ quá hạn

Công ty không có nợ phải thu quá hạn thanh toán hay không có khả năng thu hồi.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.923.575.482	-	5.480.037.444	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	33.462.221.584	-
Thành phẩm	13.608.908.409	-	3.007.416.292	-
Hàng hóa	234.209.508	-	280.078.376	-
Cộng	18.766.693.399	-	42.229.753.696	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí đánh giá tổng thể mức độ ảnh hưởng trong hoạt động khai thác khoáng sản của cụm mỏ Tam Phước, Tân Cang.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đền bù mỏ Thanh Phú 1	70.019.801.147	51.134.268.000
Chi phí đền bù mỏ Soklu 2, Soklu 5	-	406.382.480
Chi phí đền bù mỏ Tân Cang 1	87.494.660.511	58.820.471.742
Chi phí bồi thường mỏ Thiện Tân 2	113.284.628.857	104.279.528.909
Chi phí lập đề án, thăm dò, bồi thường đất mỏ đá Đồi Chùa 2 ⁽¹⁾	2.279.247.710	2.279.247.710
Chi phí bồi thường thiệt hại môi trường	613.543.992	596.043.996
Chi phí hỗ trợ kinh phí sửa chữa nứt nhà hộ dân	1.412.668.441	237.041.522
Chi phí trả trước dài hạn khác	13.878.540.996	966.766.970
Cộng	288.983.091.654	218.719.751.329

⁽¹⁾ Tài liệu chi phí lập đề án, thăm dò, bồi thường mỏ đá Đồi Chùa 2 đã được bàn giao cho Sở Tài nguyên Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) theo Biên bản bàn giao ngày 28 tháng 11 năm 2014. Chi phí này sẽ được thu hồi khi dự án được chuyển nhượng cho đơn vị trúng thầu thực hiện dự án.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	54.241.265.257	372.810.145.411	116.158.718.358	3.977.695.757	392.777.778	547.580.602.561
Mua trong năm	-	666.666.667	-	-	-	666.666.667
Sửa chữa nâng cấp	161.552.621	11.125.773.059	-	-	-	11.287.325.680
Xây dựng cơ bản	283.938.218	-	-	-	-	283.938.218
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.435.276.190)	(3.275.384.717)	-	-	(6.710.660.907)
Giảm do bàn giao	(993.809.709)	-	-	-	-	(993.809.709)
Giảm do tháo dỡ	(788.855.177)	(649.626.580)	-	-	-	(1.438.481.757)
Số cuối năm	52.904.091.210	380.517.682.367	112.883.333.641	3.977.695.757	392.777.778	550.675.580.753
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	20.133.930.925	353.452.905.748	71.378.670.535	3.895.195.757	115.000.000	448.975.702.965
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	40.913.885.533	369.378.311.902	89.367.885.471	3.929.570.757	149.722.228	503.739.375.891
Khấu hao trong năm	1.372.271.615	2.457.500.118	6.699.880.476	16.500.000	69.444.456	10.615.596.665
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.435.276.190)	(3.275.384.717)	-	-	(6.710.660.907)
Giảm do bàn giao	(924.346.257)	-	-	-	-	(924.346.257)
Giảm do tháo dỡ	(610.547.957)	(649.626.580)	-	-	-	(1.260.174.537)
Số cuối năm	40.751.262.934	367.750.909.250	92.792.381.230	3.946.070.757	219.166.684	505.459.790.855
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	13.327.379.724	3.431.833.509	26.790.832.887	48.125.000	243.055.550	43.841.226.670
Số cuối năm	12.152.828.276	12.766.773.117	20.090.952.411	31.625.000	173.611.094	45.215.789.898
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm kế toán đã khấu hao hết.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	666.666.667	(666.666.667)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	199.126.025	95.517.613	(283.938.218)	(10.705.420)	-
<i>Di dời, nâng cấp, xây dựng tường rào và nhà bảo vệ văn phòng Công ty</i>	199.126.025	95.517.613	(283.938.218)	(10.705.420)	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	11.287.325.680	(11.287.325.680)	-	-
<i>Sửa chữa, nâng cấp máy xay số 9 Thạnh Phú</i>	-	11.125.773.059	(11.125.773.059)	-	-
<i>Sửa chữa, nâng cấp bờ kè đá hộc (30m) và bộ móng Máy xay số 9 Thạnh Phú</i>	-	161.552.621	(161.552.621)	-	-
Cộng	199.126.025	12.049.509.960	(12.237.930.565)	(10.705.420)	-

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến dự phòng phí hoàn nguyên môi trường. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	Số cuối năm
Mỏ Thạnh Phú 1	81.993.687	80.959.100	162.952.787
Mỏ Tân Cang 1	120.642.681	120.388.397	241.031.078
Mỏ Thiện Tân 2	240.752.041	244.067.415	484.819.456
Mỏ Soklu 2	1.025.421.834	83.527.043	1.108.948.877
Mỏ Soklu 5	890.230.142	40.887.488	931.117.630
Cộng	2.359.040.385	569.829.443	2.928.869.828

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

13. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế trên 1 năm chưa sử dụng.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh nghiệp tư nhân Quang Duy	2.354.910.776	1.426.828.353
Tổng công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc Phòng	-	3.242.002.672
Các nhà cung cấp khác	21.582.155.545	15.835.512.314
Cộng	23.937.066.321	20.504.343.339

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại SIC	6.058.364.395	17.058.897
Tổng công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	4.477.032.469	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ thi công Xây dựng cầu đường Hồng An	2.431.615.058	694.759.053
Công ty Cổ phần Xây dựng Dịch vụ và Thương mại 68	2.350.181.900	-
Các khách hàng khác	21.805.255.803	16.418.766.318
Cộng	37.122.449.625	17.130.584.268

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	8.043.971.337	-	98.910.213.763	(95.315.374.973)	11.638.810.127	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.434.956.466	-	76.125.978.499	(68.179.874.630)	25.381.060.335	-
Thuế thu nhập cá nhân	774.635.542	-	8.029.232.316	(6.754.531.057)	2.049.336.801	-
Thuế tài nguyên	12.200.712.078	-	151.904.339.979	(147.244.511.083)	16.860.540.974	-
Tiền thuê đất	-	4.035.180	9.553.185.258	(21.632.090.409)	-	12.082.940.331
Phí bảo vệ môi trường	5.029.814.595	-	57.321.678.792	(56.327.161.726)	6.024.331.661	-
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	-	300	19.477.076.335	(19.477.076.335)	-	300
- <i>Phí cấp quyền khai thác khoáng sản chính</i>	-	-	19.420.511.155	(19.420.511.155)	-	-
- <i>Phí cấp quyền khai thác khoáng sản đi kèm</i>	-	300	-	-	-	300
- <i>Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước</i>	-	-	56.565.180	(56.565.180)	-	-
Thuế đất phi nông nghiệp	-	-	1.184.205.922	(1.184.205.922)	-	-
Thuế môn bài	-	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-
Tiền bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất	-	-	13.765.633.000	(13.765.633.000)	-	-
Cộng	43.484.090.018	4.035.480	436.280.543.864	(429.889.459.135)	61.954.079.898	12.082.940.631

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nước	: 5%
- Sản phẩm khác ⁽ⁱ⁾	: 10%

⁽ⁱ⁾ Năm 2025 Công ty được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với một số hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 và Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.**Thuế nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	376.992.904.368	276.244.023.785
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.636.988.127	23.637.700.979
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	380.629.892.495	299.881.724.764
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	76.125.978.499	59.976.344.953

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác theo Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên với đơn giá tính thuế và thuế suất như sau:

	Giá tính thuế (VND/m ³)	Thuế suất
- Đất san lấp	60.000 (tháng 1-2 năm 2025), 70.742 (từ tháng 3 năm 2025)	7%
- Đất gạch	150.000	15%
- Nước mặt	4.000	3%
- Nước ngầm	7.000	8%
- Cát xây dựng (cát khai thác tuyến rừa trên bờ)	272.000 (tháng 1-2 năm 2025), 360.550 (từ tháng 3 năm 2025)	15%
- Đá thành phẩm	Giá cao hơn giữa giá bán bình quân theo từng nhóm đá (doanh thu theo nhóm chia sản lượng theo nhóm) và giá quy định theo từng nhóm đá (theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)	10%
- Đá phong hóa	60.000	10%

Tiền thuê đất

Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan thuế đối với diện tích và đơn giá thuê đất theo quyết định cho thuê đất và hợp đồng cho thuê đất.

Phí bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp phí bảo vệ môi trường theo Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản với đơn giá như sau:

- Đất gạch:	3.300 VND/m ³
- Đất san lấp:	2.200 VND/m ³
- Cát xây dựng:	6.600 VND/m ³
- Đá nguyên liệu:	4.507,80 VND/tấn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Phí cấp quyền khai thác khoáng sản**

Công ty nộp phí cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các mỏ đá xây dựng theo các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và các thông báo của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Quỹ tiền lương còn phải trả người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi phí dịch vụ mua ngoài phải trả.

19. Phải trả ngắn hạn khác**Phải trả các bên liên quan**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai - cổ tức phải trả	111.722.400.000	74.180.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Công nghiệp KSB - cổ tức phải trả	69.090.000.000	46.060.000.000
Công ty Cổ phần Hoá An - cổ tức phải trả	30.900.000.000	20.600.000.000
Công ty Cổ phần Hoá An - cổ tức phải trả	11.732.400.000	7.520.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	28.439.280.000	23.458.241.398
Cổ tức phải trả cổ đông khác	28.439.280.000	19.261.120.000
Công ty TNHH Xây dựng Đỗ Lý - chi phí nhân công, máy thi công phải trả	-	2.907.951.758
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	1.289.169.640
Cộng	140.161.680.000	97.638.241.398

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích lập từ lợi nhuận		Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Hoàn nhập trích quỹ năm trước	Số cuối năm
	Số đầu năm	Số cuối năm				
Quỹ khen thưởng	46.152.526.584	19.593.389.096	29.682.000	(2.506.934.000)	-	63.268.663.680
Quỹ phúc lợi	47.381.884.757	19.593.389.095	-	(4.027.626.101)	-	62.947.647.751
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	4.372.534.384	5.538.254.027	-	(4.054.307.836)	(318.226.548)	5.538.254.027
Cộng	97.906.945.725	44.725.032.218	29.682.000	(10.588.867.937)	(318.226.548)	131.754.565.458

Trong năm, Công ty hoàn nhập trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành năm 2024 theo Nghị quyết số 01/2025/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến chi phí hoàn nguyên môi trường. Chi tiết phát sinh như sau:

	Số đầu năm	Tăng do trích lập	Số cuối năm
Mô Thạnh Phú 1	409.968.435	404.795.503	814.763.938
Mô Tân Cang 1	603.213.405	601.941.985	1.205.155.390
Mô Thiện Tân 2	1.203.760.206	1.220.337.072	2.424.097.278
Mô Soklu 2	5.127.109.169	417.635.215	5.544.744.384
Mô Soklu 5	4.451.150.710	204.437.440	4.655.588.150
Cộng	11.795.201.925	2.849.147.215	14.644.349.140

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	469.216.000.000	20.714.147.461	(3.437.784.000)	76.960.123.261	43.918.403.175	607.370.889.897
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	218.626.719.217	218.626.719.217
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	21.862.671.922	(54.656.679.804)	(32.794.007.882)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(42.048.504.000)	(42.048.504.000)
Tạm ứng cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(93.441.120.000)	(93.441.120.000)
Số dư cuối năm trước	469.216.000.000	20.714.147.461	(3.437.784.000)	98.822.795.183	72.398.818.588	657.713.977.232
Số dư đầu năm nay	469.216.000.000	20.714.147.461	(3.437.784.000)	98.822.795.183	72.398.818.588	657.713.977.232
Hoàn nhập trích quỹ thưởng Người quản lý	-	-	-	-	318.226.548	318.226.548
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	301.436.755.312	301.436.755.312
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	30.143.675.531	(74.868.707.749)	(44.725.032.218)
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	(70.080.840.000)	(70.080.840.000)
Tạm ứng cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(140.161.680.000)	(140.161.680.000)
Số dư cuối năm nay	469.216.000.000	20.714.147.461	(3.437.784.000)	128.966.470.714	89.042.572.699	704.501.406.874

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	230.300.000.000	230.300.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Công nghiệp KSB	103.000.000.000	103.000.000.000
Công ty Cổ phần Hóa An	39.108.000.000	37.600.000.000
Các cổ đông khác	96.808.000.000	98.316.000.000
Cộng	469.216.000.000	469.216.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	46.921.600	46.921.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	46.921.600	46.921.600
- Cổ phiếu phổ thông	46.921.600	46.921.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(201.040)	(201.040)
- Cổ phiếu phổ thông	(201.040)	(201.040)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.720.560	46.720.560
- Cổ phiếu phổ thông	46.720.560	46.720.560
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025 và Thông báo kết quả kiểm toán số 236/TB-KV XII ngày 25 tháng 11 năm 2025 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số phân phối trong năm nay
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2024	21.862.671.922	21.862.671.922	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024	28.421.473.498	28.421.473.498	-
Thưởng Ban điều hành năm 2024	4.054.307.836	4.372.534.384	(318.226.548)
Chia cổ tức năm 2024	163.521.960.000	93.441.120.000	70.080.840.000
Cộng	217.860.413.256	148.097.799.804	69.762.613.452

Ngoài ra Công ty cũng tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 12/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 12 năm 2025 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2025	: 30.143.675.531
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025	: 39.186.778.191
• Thưởng Ban điều hành năm 2025	: 5.538.254.027
• Tạm ứng cổ tức năm 2025	: 140.161.680.000

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**23a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	40.765.938.763	43.460.001.632
Trên 1 năm đến 5 năm	165.112.833.429	143.230.262.849
Trên 5 năm	304.513.925.079	309.525.962.545
Cộng	510.392.697.271	496.216.227.026

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2015 đến năm 2047 và có khả năng được gia hạn thêm.

23b. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu tiền hàng một số khách hàng với tổng số tiền 5.594.808.942 VND đã được xóa sổ do không có khả năng thu hồi (số đầu năm là 5.594.808.942 VND).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán đất, đá	1.042.457.571.785	914.182.359.433
Doanh thu xây dựng	-	107.623.288
Doanh thu bán hàng hóa	368.245.529.530	328.153.904.705
Doanh thu khác	45.060.086.884	61.284.035.544
Cộng	1.455.763.188.199	1.303.727.922.970

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn đất, đá xuất bán	728.981.888.260	633.715.556.995
Giá vốn hoạt động xây dựng	-	107.623.288
Giá vốn hàng hóa xuất bán	257.642.864.670	257.813.189.345
Giá vốn khác	43.380.537.013	59.547.544.743
Cộng	1.030.005.289.943	951.183.914.371

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	30.061.472.406	19.153.420.265
Lãi tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường	593.595.000	735.739.000
Cộng	30.655.067.406	19.889.159.265

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.595.035.953	5.361.650.542
Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ, đồ dùng	84.209.696	94.649.008
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.250.000	98.517.606
Chi phí vận chuyển	1.338.295.459	1.677.680.457
Chi phí vận tải cơ giới	6.206.726.700	2.707.752.939
Các chi phí khác	1.407.141.981	1.301.110.960
Cộng	14.636.659.789	11.241.361.512

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	48.935.682.388	47.126.844.656
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.181.759.870	1.074.350.821
Chi phí khấu hao tài sản cố định	920.732.175	1.265.443.542
Chi phí sửa chữa thiết bị	18.339.173.724	15.472.998.154
Các chi phí khác	10.437.159.483	11.279.090.822
Cộng	79.814.507.640	76.218.727.995

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định hữu hình	829.083.811	1.244.707.208
Thu nhập từ bán vật tư	60.294.000	206.625.000
Thu nhập từ bán phế liệu	2.083.449.274	473.826.226
Thừa kiểm kê	379.702.623	643.598.417
Thu nhập từ giảm tiền thuê đất ⁽ⁱ⁾	10.566.183.023	-
Thu nhập khác	1.482.817.160	280.897.236
Cộng	15.401.529.891	2.849.654.087

⁽ⁱ⁾ Tiền thuê đất được giảm theo Nghị định số 87/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ, Quyết định số 590/QĐ-CTDON ngày 04 tháng 8 năm 2025, Quyết định số 671/QĐ-CTDON, Quyết định số 672/QĐ-CTDON, Quyết định số 673/QĐ-CTDON ngày 06 tháng 8 năm 2025 và Quyết định số 1091/QĐ-CTDON ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Thuế tỉnh Đồng Nai về việc giảm tiền thuê đất năm 2024.

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý vật tư, vật liệu	73.700.821	206.622.732
Chi phí phạt vi phạm hành chính ⁽ⁱ⁾	-	10.631.021.054
Chi phí khác	296.722.935	741.064.873
Cộng	370.423.756	11.578.708.659

⁽ⁱ⁾ Phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 370/QĐ-XPHC ngày 07 tháng 02 năm 2024, Quyết định số 1027/QĐ-XPHC ngày 12 tháng 4 năm 2024, Quyết định số 1471/QĐ-XPHC ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 217/QĐ-XPHC ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	301.436.755.312	218.626.719.217
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽ⁱ⁾	(39.186.778.191)	(28.421.473.498)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành ⁽ⁱ⁾	(5.538.254.027)	(4.372.534.384)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	256.711.723.094	185.832.711.335
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	46.720.560	46.720.560
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	5.495	3.978

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(i) Tạm trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025, tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là 13% trên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và quỹ thưởng Ban điều hành là 2% trên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã loại trừ phần lợi nhuận từ doanh thu tài chính (lãi tiền gửi ngân hàng).

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	212.238.268.099	181.058.460.752
Chi phí nhân công	162.423.130.918	149.229.944.449
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.615.596.665	17.090.897.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	231.514.338.832	216.109.648.082
Chi phí khác	446.502.150.313	424.883.181.520
Cộng	1.063.293.484.827	988.372.132.633

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát*

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay			
Ông Huỳnh Xuân Đạo - Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.140.000.000	-	1.140.000.000
Ông Huỳnh Kim Vũ - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc	960.000.000	168.000.000	1.128.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị	-	81.666.667	81.666.667
Ông Phan Tấn Đạt - Thành viên Hội đồng quản trị	-	168.000.000	168.000.000
Ông Lê Đình Vũ Long - Thành viên Hội đồng quản trị	-	86.333.333	86.333.333
Ông Phạm Quốc Thái - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc	840.000.000	168.000.000	1.008.000.000
Ông Nguyễn Hùng Thắng - Người phụ trách quản trị, thư ký Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc	840.000.000	36.000.000	876.000.000
Ông Phạm Thái Hợp - Phó Giám đốc	840.000.000	-	840.000.000
Ông Nguyễn Như Thạch - Phó Giám đốc	840.000.000	-	840.000.000
Ông Hoàng Đăng Quốc Vĩnh - Phó Giám đốc	840.000.000	-	840.000.000
Ông Trần Quốc Triệu - Kế toán trưởng	840.000.000	-	840.000.000
Ông Huỳnh Đường Tài - Trưởng Ban kiểm soát	600.000.000	-	600.000.000
Ông Lê Công Sơn - Thành viên Ban kiểm soát	-	64.750.000	64.750.000
Bà Nguyễn Thị Thu Trà - Thành viên Ban kiểm soát	-	61.250.000	61.250.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Thành viên Ban kiểm soát	-	126.000.000	126.000.000
Cộng	7.740.000.000	960.000.000	8.700.000.000

Năm trước

Ông Huỳnh Xuân Đạo - Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.140.000.000	-	1.140.000.000
Ông Huỳnh Kim Vũ - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc	960.000.000	168.000.000	1.128.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị	-	168.000.000	168.000.000
Ông Phan Tấn Đạt - Thành viên Hội đồng quản trị	-	168.000.000	168.000.000
Ông Phạm Quốc Thái - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc	840.000.000	168.000.000	1.008.000.000
Ông Nguyễn Hùng Thắng - Người phụ trách quản trị, thư ký Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc	840.000.000	36.000.000	876.000.000
Ông Phạm Thái Hợp - Phó Giám đốc	840.000.000	-	840.000.000
Ông Nguyễn Như Thạch - Phó Giám đốc	840.000.000	-	840.000.000
Ông Hoàng Đăng Quốc Vĩnh - Phó Giám đốc	840.000.000	-	840.000.000
Ông Trần Quốc Triệu - Kế toán trưởng	840.000.000	-	840.000.000
Ông Huỳnh Đường Tài - Trưởng Ban kiểm soát	600.000.000	-	600.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Trà - Thành viên Ban kiểm soát	-	126.000.000	126.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Thành viên Ban kiểm soát	-	126.000.000	126.000.000
Cộng	7.740.000.000	960.000.000	8.700.000.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Cổ đông nắm giữ chiếm 49,08% vốn điều lệ
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Công nghiệp KSB	Cổ đông nắm giữ chiếm 21,95% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Hóa An	Cổ đông nắm giữ chiếm 8,33% vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các bên liên quan khác với người nội bộ của Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần DRH Holdings	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai		
Chi trả cổ tức	80.605.000.000	43.757.000.000
Chuyển xử lý nợ phải thu khó đòi	-	236.314.980
Tạm phân phối cổ tức	69.090.000.000	46.060.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Công nghiệp KSB		
Chi trả cổ tức	36.050.000.000	8.550.000.000
Tạm phân phối cổ tức	30.900.000.000	20.600.000.000
Công ty Cổ phần Hóa An		
Chi trả cổ tức	13.386.200.000	-
Tạm phân phối cổ tức	11.732.400.000	7.520.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.19.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu khai thác, kinh doanh đá vật liệu xây dựng (chiếm trên 90% tổng doanh thu) và toàn bộ sản phẩm được tiêu thụ tại Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Số đầu năm và năm trước của một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã được trình bày lại theo Thông báo kết quả kiểm toán số 236/TB-KV XII của Kiểm toán Nhà nước ngày 25 tháng 11 năm 2025 như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Tài sản ngắn hạn	100	697.678.276.510	969.123.066	698.647.399.576	
Hàng tồn kho	140	41.260.630.630	969.123.066	42.229.753.696	
Hàng tồn kho	141	41.260.630.630	969.123.066	42.229.753.696	(i)
Tổng cộng tài sản	270	998.492.265.071	969.123.066	999.461.388.137	
Nợ phải trả	300	341.331.300.264	416.110.641	341.747.410.905	
Nợ ngắn hạn	310	329.536.098.339	416.110.641	329.952.208.980	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	43.165.569.805	318.520.213	43.484.090.018	(ii)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	97.809.355.297	97.590.428	97.906.945.725	(iii)
Vốn chủ sở hữu	400	657.160.964.807	553.012.425	657.713.977.232	
Vốn chủ sở hữu	410	657.160.964.807	553.012.425	657.713.977.232	
Quỹ đầu tư phát triển	418	98.757.734.897	65.060.286	98.822.795.183	(iii)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	71.910.866.449	487.952.139	72.398.818.588	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	71.910.866.449	487.952.139	72.398.818.588	(iv)
Tổng cộng nguồn vốn	440	998.492.265.071	969.123.066	999.461.388.137	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Bửu Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Giá vốn hàng bán	11	952.153.037.437	(969.123.066)	951.183.914.371	(i)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	351.574.885.533	969.123.066	352.544.008.599	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	284.003.955.291	969.123.066	284.973.078.357	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	275.274.900.719	969.123.066	276.244.023.785	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	59.657.824.740	318.520.213	59.976.344.953	(ii)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	217.976.116.364	650.602.853	218.626.719.217	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.966	12	3.978	
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	3.966	12	3.978	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
Lợi nhuận trước thuế	01	275.274.900.719	969.123.066	276.244.023.785	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	282.784.646.247	969.123.066	283.753.769.313	
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.608.308.786)	(969.123.066)	(2.577.431.852)	

(i) Hàng tồn kho/Giá vốn hàng bán

Điều chỉnh tăng chi tiêu “Hàng tồn kho” và giảm chi tiêu “Giá vốn hàng bán” do đánh giá lại giá trị sản phẩm dở dang cuối năm.

(ii) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Các điều chỉnh bao gồm:

Điều chỉnh giảm giá vốn hàng bán	193.824.613
Điều chỉnh tăng chi phí bị loại khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	124.695.600
Cộng	318.520.213

(iii) Quỹ khen thưởng, phúc lợi/Quỹ đầu tư phát triển

Tăng do chi tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” tăng.

(iv) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Các điều chỉnh bao gồm:

Điều chỉnh do đánh giá lại giá trị sản phẩm dở dang cuối năm	969.123.066
Tăng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	(318.520.213)
Tăng trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(97.590.428)
Tăng trích Quỹ đầu tư phát triển	(65.060.286)
Cộng	487.952.139



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, khu phố Đừ Hòa 3, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2026


Nguyễn Ngọc Mai Phương
Người lập

Trần Quốc Triều
Kế toán trưởngHuỳnh Kim Vũ
Giám đốc

Báo cáo thường niên 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Đồng Nai, ngày 13 tháng 4 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Huỳnh Xuân Đạo